SỐ 17
0$20

TRI-TÂN

NGÀY 3 OCTOBRE 1941

Đặc san về đức TRẦN-HƯNG-ĐẠO

Ta nên kỷ - niệm vĩ-nhân bằng cách nào ?

DÂN-TỘC Việt-Nam ta là một dân-tộc giàu lòng sùng-bái vĩ-nhân.

Không một người của lịch-sử nào đã có công với đất nước mà không được dân-gian lập đền thờ.

Ngoài Bắc, ở Hà-nội, « Đền Hai-Bà » thờ Trưng-nữ-Vương ; trong Nam, ở Gia-định, « Đền Ông », thờ Lê-văn-Duyệt. Hằng ngày, có người tri-thức đến chiêm-ngưỡng, người bình-dân đến lễ-bái...

Đối với việc tỏ lòng nhớ công mến đức các-vĩ nhân, như thế tưởng có thể gọi là tạm đủ.

Song trong thâm-tâm chúng tôi, đã có khi ước-ao, ngoài sự lễ-bái tỏ lòng thành-kính, chúng ta còn được kỷ-niệm vĩ-nhân bằng những cách khác hợp với trình-độ dân ta ngày nay hơn.

Bao giờ một du khách qua Bạch-đằng-giang được thấy bên bờ một cái bia mang một hàng chữ giản-dị: « Ở đây, một vị anh-hùng đã thắng quân Nguyên ».

Qua Hát-Môn, được đọc trên một tấm đá hoa mấy chữ : «Đây, nơi tuẫn-quốc của hai vị nữ anh-hùng Nam-việt ».

Qua một thành-phố lớn như Hà-nội, được đến thăm một ngôi đền dựng nên để kỷ-niệm chung những vĩ-nhân ; trong ấy có những vật tượng-trưng làm cho ta nhớ những đoạn lịch-sử rạng-rỡ : ngọn cờ lau của vua Đinh-tiên-Hoàng, thanh bảo-kiếm của vua Lê-thái-Tổ...

Ngoài ra, chúng ta soạn sách, viết báo, tổ chức những cuộc nói chuyện để nhắc lại những cái gì đã có một can-hệ đến đời sống của vĩ-nhân.

Vào dịp này, đồng thời quốc-dân ta, xa gần đang dự cuộc hành-hương về đền Kiếp-bạc, Tức-mặc..., Tri-Tân chúng tôi, theo con đường lịch-sử, mỗi người đốt nén tâm-hương, cầm cán bút đánh dấu ngày lịch-sử, nhắc-nhở đến bực anh - hùng đệ nhất của lịch-sử Việt-nam ta từ ngót nghìn năm đến nay : Trần Hưng-đạo đại-vương Quốc-Tuấn.

Mục-đích của chúng tôi, ngoài sự tỏ lòng sùng-bái vĩ-nhân, là muốn nhắc lại cho một số đồng-bào, hình như ngày nay chỉ biết đến những công việc mà vị anh-hùng ấy có thể làm được cho mình và cho gia-đình mình sau khi đã dâng lên ngài một tuần rượu, mấy nén hương mà quên hẳn rằng có phen, trong những trường-hợp độc-nhất, vị anh-hùng ấy đánh đuổi giặc Nguyên ra khỏi bờ-cõi để giữ toàn-vẹn giang-sơn cho nước nhà.

Và đây chỉ là bước đầu trong việc kỷ-niệm vĩ-nhân bằng nét bút thành kính của chúng tôi.

TRI-TÂN

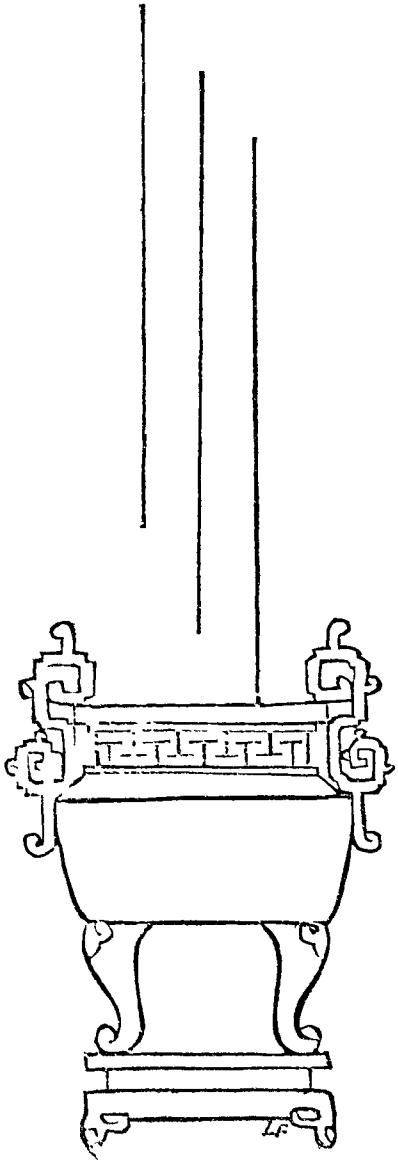

Tiểu-sử đức Trần Hưng-Đạo Vương Quốc-Tuấn

NGÀI họ Trần, húy Quốc-Tuấn.

Phụ thân ngài là An-sinh-Vương Liễu, tức là anh ruột vua Thái-Tôn; mẫu thân, An-sinh-Vương phu-nhân, húy là Nguyệt.

Ngài vốn có một khiếu thông minh dị-thường. Lên sáu tuổi đã hiểu biết thế nào là văn-chương, võ-nghệ, làm thơ ngũ ngôn, bày bát trận. Lại sớm được theo học những bực tài giỏi về thời bấy giờ.

Thường ngày hoặc bàn thao lược với em là Chiêu-văn-Vương Nhật-Duật, hoặc hầu vua giảng sách trong tòa Kinh-diên.

Khi đã lớn, thường đem lục thao tam lược của Thái-Công, Tử-phòng diễn làm trận đồ để dạy các tướng khác.

Nước ta bị cái nạn xâm lăng: quân Mông-cổ, sau khi thắng từ Á đến Âu, sang đánh nước ta. Giữa lúc quân thần ai nấy đều thất vọng, đề nghị nên hàng, Trần quốc-Tuấn một mực xin chống giữ lấy giang-sơn.

Tháng mười năm Quí-mùi, niên hiệu Thiệu-bảo thứ năm, 1283, vua Nhân-Tôn cất Hưng-đạo-Vương làm Quốc-công, thống lĩnh hết thủy và bộ binh gồm có hai mươi vạn.

« Bản chức phụng-mệnh thống đốc quân sĩ ra phá giặc.. »

Thất bại ở Khả-li và Lộc châu, rút về ải Chi lăng rồi Vạn-kiếp. Vua Nhân-Tôn lo ngại, bàn với Hưng-đạo-Vương: « Nên chịu hàng để cứu muôn dân ». Ngài tâu với vua: « Bệ hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân đức, nhưng mà tôn-miếu xã-tắc thì sao? Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã ».

Rồi chiêu tập quân đội ở Vạn kiếp, soạn Binh thư yếu lược, truyền hịch: « Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa được xả thịt lột da của quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa thì cũng đành lòng » miễn là...

Tiếc thay lần này cũng như mọi lần qua, Hưng-đạo-Vương chỉ thừa lòng can đảm nhưng thiếu quân nhu, đánh đâu thua đấy, phải rút về Thăng-long rồi rước xa-giá chạy vào Thanh-hóa.

Bị quân ở Bắc đánh vào, ở bể đánh lên, nguy cấp quá, lại phải rước xa-giá chạy về Quảng-Yên.

Quân tướng ra hàng nhiều. « Chỉ còn Hưng-đạo-Vương phụng xa-giá đi, trèo non vượt bể, trải gió dầm mưa, thế lực tuy cùng, nhưng vẫn bền vững một lòng tìm kế đánh giặc, lo liệu việc nước. » (1)

Từ trước đến nay chỉ có lòng kiên nhẫn của ngài là một bức thành kiên cố mà quân Nguyên không thể phá tan được

Đầu năm Ất-dậu (1285), Hưng đạo-Vương nhận thấy quân Nguyên phần thì lương thực thiếu, phần thì mỏi mệt, mới bắt đầu phản công.

Quân ta thắng.

Trận Chương dương-độ mở đường cho quân ta tiến về Thăng-long. Mấy tướng Mông bị giết. Thoát-Hoan chạy về Tàu.

Trong vòng sáu tháng giời, từ tháng chạp năm Giáp tuất (1284) đến tháng sáu năm Ất dậu (1285), quân ta dưới quyền chỉ huy của Hưng-đạo-Vương, đánh đuổi được 50 vạn quân Mông Cổ ra ngoài bờ cõi.

Mùa xuân tháng hai năm Đinh-hợi (1287), Thoát-Hoan đem quân sang đánh báo thù. Lại một dịp để tài, thi gan cùng Trần-quốc-Tuấn.

Bắt đầu quân Nguyên to, thế thắng, quân ta phải lui về Vạn kiếp. Thua ở đấy, lại phải rút về Thăng-long.

Thoát Hoan tấn công Thăng long thất bại, phải kéo về Vạn kiếp. Đắp thua trận Vân-đồn, lương thực lại bị quân ta lấy cả.

Hiểu tình thế, quân ta phản công ở Bạch-đằng Giang, ngài cùng quân-sĩ trở sông Hóa-Giang mà thề rằng: « Trận này không phá xong giặc Nguyên thì không về đến sông này nữa ».

Cuối cùng quân ta toàn thắng. Thoát-Hoan cùng tướng lĩnh chạy về Tàu. Có thể gọi là trận lớn nhất của lịch sử ta từ mấy nghìn năm.

Lúc bấy giờ vào tháng ba năm Mậu-tí (1288).

Ngài được phong làm Thái sư, Thượng-phụ Thượng-quốc-công, Bình-bắc đại-nguyên-suý, Hưng-đạo đại-vương.

Giang-sơn chỉnh đốn lại được như cũ, ngài xin về trí sĩ ở Vạn-kiếp, chỗ dinh cũ của ngài.

Ngài mất ngày 20 tháng tám năm Canh-tí (1300).

LÊ-THÀNH

(1) Việt-Nam sử lược.

QUÂN MÔNG CỔ

NĂM 400 sau Thiên-chúa, trong các quân tàn phá Âu-châu có quân Mông-Cổ (Huns) do một viên tướng là Attila chỉ huy, đi đến đâu cướp bóc đến đấy đến nỗi «mỗi khi vết chân ngựa qua miền nào cỏ cũng không mọc được nữa».

Đoàn quân ghê gớm ấy phạm vào cõi nước Gaule (nước Pháp bây giờ) do người La-mã khai-hóa.

Tướng La mã là Aétius mới suất lĩnh bản bộ và quân dân trong nước chống nhau với quân Mông-Cổ, đại phá ở Champs Catalauniques (gần hạt Châlons sur Marne, đất nước Pháp bây giờ) năm ấy là năm 451 sau T. C.

Chiến công oanh liệt này đã làm tan cái mộng sâm-lược của quân Mông Cổ, đã đem lại sự hòa-bình cho châu Âu và cứu vãn nền văn-minh La mã buổi ấy.

Thành-cát-tư-Hãn (Gengis khan), phỏng theo tranh vẽ ở quyển l'Empire mongol et Tamerlan của Michael Prawdin.

Nhưng bạn đọc sẽ tự hỏi: quân Mông Cổ ở Á châu sao lại sang Âu-châu? Muốn giả nhời câu hỏi trên, không gì hơn là tóm tắt lịch sử dân tộc đó.

Đã từ lâu, ở phía bắc châu Á vào khoảng thượng-lưu sông Hắc Long Giang (Amour) có một dân tộc, ở thành bộ-lạc sống về nghề săn bắn, chăn nuôi gia súc, luon luôn lúc nào cũng tranh cướp lẫn nhau.

Dân tộc ấy là giống Mông Cổ, người hung tợn, tính hiếu-chiến, cưỡi ngựa rất giỏi và bắn tên không ai bằng.

Chính trong một bộ lạc ấy, có viên tù-trưởng thiếu-niên đã quật cường, rồi dùng uy-vũ mà thu phục những bộ lạc quanh mình.

Tù trưởng ấy tên là Témoudjine (Thiết môc Chân) sau lấy tên là Gengis-Khan (Thành Cát tư hãn) (1)

Thiết môc Chân khi được người trong xứ thần phục mới chiêu-mộ đinh tráng, lập thành một đoàn kỵ binh tinh nhuệ, những kỵ binh này lại là những cung thủ lợi hại; bắn trăm phát trăm trúng.

Rồi bằng một đạo quân ấy, người anh hùng xuất thân là mục đồng, tay cung, tay kiếm gồm thu cả nội Mông, ngoại Mông, lấy nước Tây-Hạ lập một nước lớn ở phía bắc Á-Châu.

Sau những cuộc toàn-thắng này. Thiết-môc Chân được suy tôn là Kha-Khan (tức là chúa tể) năm ấy mới có 44 tuổi (và từ đấy tên hiệu là Thành Cát tư hãn). Cái sự nghiệp vĩ đại của Thành Cát tư hãn là cải tạo cả dân Mông-cổ, xưa kia là mục đồng nay thành có tổ-chức. Xuất thân nơi thôn dã, Thành Cát tư hãn vốn là người vô học, nên cần khai hóa sự học, đặt chữ viết, định luật lệ, để dễ cai trị. Nhưng cái đặc điểm của toàn quốc là tinh thần thượng-võ: Theo lệ Mông Cổ, cả nước đàn ông, đàn bà, thời bình, hay thời loạn, đều là lính của nhà vua, chỉ chờ một lệnh là tựu-ngũ ứng dụng. Mông Cổ đã thi-hành luật cưỡng bách tòng quân trước nhất vậy.

Lệ lại còn định, dân tráng từ 15 đến 70 tuổi là phải tòng quân. Giáo dục cần nhất lúc ấy là: học đánh trận.

Ngoài việc chỉnh đốn binh bị, Thành Cát tư Hãn còn tuyển những tướng tài làm bộ tham mưu, và đặt một ban do-thám đi dò tin tức các nước lân bang

1) Thành-Cát tư-hãn (Gengis-khan) miếu hiệu là Nguyên Thái-Tổ, mất năm 1227.

mà y muốn chinh phục.

Khi hành quân, lại có quân lưu-tinh, đem tin, lệnh một cách rất mau chóng. miền nọ qua miền kia, dù phải trèo non, vượt suối, cũng thông báo được việc quân tình khẩn cấp.

Bằng một đạo binh 200 000 người, quân Mông Cổ đã kéo vào Trung-quốc. Vạn-lý trường thành kiên-cố đến đâu, binh lực nước Tầu dũng mạnh bao nhiêu, binh thư, binh pháp, tài giỏi bực nào, những danh tướng bách chiến bách thắng cũng không sao cứu nổi 50 triệu dân Trung-hoa ở phía bắc, thoát sự tàn phá của quân Thành-Cát-tư-Hãn.

Sau năm năm chinh chiến, một cuộc ác chiến toàn chém giết dân cư, quân Mông-Cổ đã hạ được thành Bắc-kinh mà mở đường lối cho con cháu vào Trung-quốc dựng nhà Nguyên vậy,

Nhưng Thành - cát - tư - Hãn không phải chỉ dòm Trung quốc, y lại có cái mộng làm bá-chủ cả châu Âu.

Cách ba năm sau, mới sai viên dũng tướng là Soubotai kéo 30 000 quân tiến sang Âu-châu ; quân thiết kỵ đi rất mau, cướp thành phá ải. Những đô thị lớn hàng 100:000 dân cư giết hết mà, theo sử-gia đời ấy, cả đến chó, mèo, cũng bị giết sạch.

Quân Soubotai đã giong ruổi trong khoảng 6000 cây số trên đường châu Âu, qua Ba Tư, vượt núi Caucase, bể Hắc hải (Mer noire) do phía nam sông Volga, lấn địa phận nước Nga.

Năm 1227, Thành-cát-tư-Hãn mất, giang sơn Mông cổ lan rộng từ Thái bình dương, bể Hắc hải, vịnh A-lạp-bá(Arable) và đến mãi rừng núi xứ Tây Bá Lợi á(Sibérie)

Trước khi mất, Thành-cát-tư-Hãn định biến-pháp cho toàn

> **Thống-chế PÉTAIN đã nói**
>
> « Xưa nay, nước Pháp vẫn là nước có những cuộc tái-sinh xán-lạn và lạ lùng. Dĩ-vãng của nước Pháp bảo-đảm cho tương lai nước Pháp ».

quốc, sai khắc vào thiết khoán lưu cho con cháu. Hiến pháp ấy gọi là Iassa. Lại chia nước cho bốn con giai, lấy những đất đai đã chiếm được phong cho làm vua. Người con thứ ba là Ogotai (A-loa-đài) (2) được phía bắc nước Tầu và miền phụ cận.

A-loa-đài nối chí lớn của cha, họp ngay các vương hầu Mông-cổ, lập hội nghị toàn quốc, gọi là Kouraltai, để quyết định quân sự và chia binh làm bốn đạo binh định các nơi :

Một đạo đánh Trung quốc lấy nốt nhà Tống.

Một đạo đánh sang phía đông, lấn nước Triều Tiên (Corée).

Một đạo chinh phục các nước phía nam châu Á.

Một đạo đánh sang phương tây để chinh phục châu Âu.

Hội nghị lại định những việc chinh chiến này phải xong trong hạn là 18 năm.

Đại binh có các hoàng thân con cháu của Thành-Cát - tư - Hãn, tổng chỉ huy là viên danh tướng Soubotai, người đã đánh châu Âu lần trước.

Riêng về đạo quân đánh Âu Châu mới một tháng giời mà kỵ binh kéo như chớp nhoáng đã qua Tiểu á Tế á (Asie mineure) tiến vào bờ phía đông sông Volga (Nga) thắng quân nước Bảo (Bulgarie). đánh phá rất hai. Những tù - binh bắt được đều phải nhập ngũ. học chiến thuật và dùng vào việc quân.

Tháng chạp năm 1237, đại binh qua sông Volga mặc dầu nước đông thành băng. Cách hành binh trong giữa mùa rét ấy làm cho dân tộc ở Âu châu khủng khiếp, nôn nao.

Trước khi đại binh tấn phát, có phái các sứ giả đi trước du các nước ra hàng. Mông Cổ đặt điều kiện phải nộp một phần mười của cải trong nước và một phần mười dân sự để dùng vào

2) A-loa-đại (Ogotaï), miếu hiệu là Nguyên Thái-tôn (1228-1241).

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

Ở Sept Pagodes, Hiệu *CHÍ LINH* đứng tổng phát hành số đặc san này. Mong chú ý.

việc quân, vì theo binh pháp Mông - Cổ, bao nhiêu binh đầu hàng đều cho đi tiền đội, quân Mông cổ chỉ đi sau thôi thúc và làm hậu-viện.

Những nước nhỏ ở Trung Âu, có nhiều nơi ngược đãi sứ giả, hoặc đuổi ra ngoài cõi hoặc bắt giết đi, toàn thể miền Trung âu đều đông binh. Sau một tuần ở nước Nga, quân Mông cổ chiếm đóng Mac tư khoa (Moscou). Tháng hai năm sau tiến lên miền bắc, hạ 12 thành, và đến tháng ba, chinh phục tất cả các nước nhỏ ở Nga, đại binh còn cách kinh-đô Nga (hồi ấy là Novgorod) có 200 cây số.

Đến đây, ta nhận thấy quân Mông-cổ hiểu thiên-thời và địa-lợi trong việc hành binh, khác với chiến thuật của Nã - phá - luân (Napoléon) ở cách sau 6 thế-kỷ. Sau khi hạ kinh-đô nước Nga, quân Mông-cổ biết rằng về mùa rét đánh Nga không lợi, vì sau vài tháng miền bắc Nga sẽ thành ruộng lầy, xe, ngựa, không đi được, nên vội lại rút lui về miền Nam.

Hai năm ròng rã, người ta tưởng quân Mông cổ sẽ tràn vào hết Âu-châu. Nhưng trong hàng thân vương có sự chia rẽ, A-loa-đài phải sai sứ sang triệu con giai là Gouiouk (Qui do) về (3) vì ở ngoài làm nhiều điều hống-hách quá.

Qui do bị gọi về, năm 1240 (4) tháng một, quân Mông cổ tiến qua sông Dniepr rồi chia làm ba toán mà vào Hung gia Lợi (Hongrie), miền này được chọn làm đích vì đất cát phì nhiêu nhất đời bấy giờ.

Trong những trận đánh của đạo quân vào Âu-châu, sử giả có nói đến một trận rất lợi hại : Trận Liegnitz.

Quận công Henri de Silésie vừa khỏi thành Liegnitz thì gặp đại quân Mông - cổ do tướng Kaidon chỉ huy. Quân Mông - cổ không nhiều, nhưng khéo tiến sát với nhau, 1000 kỵ binh ở xa trông chỉ tưởng có 500. Khi đến trước mặt quân địch, theo hiệu cờ, xông sang, tỏa ra rất đông. Người ngựa đều mặc áo giáp bằng da. Kỵ binh đều sử thanh quất sắc, giao giải và trùy tật-lê, nhưng binh khí lợi hại nhất của họ là cung và tên.

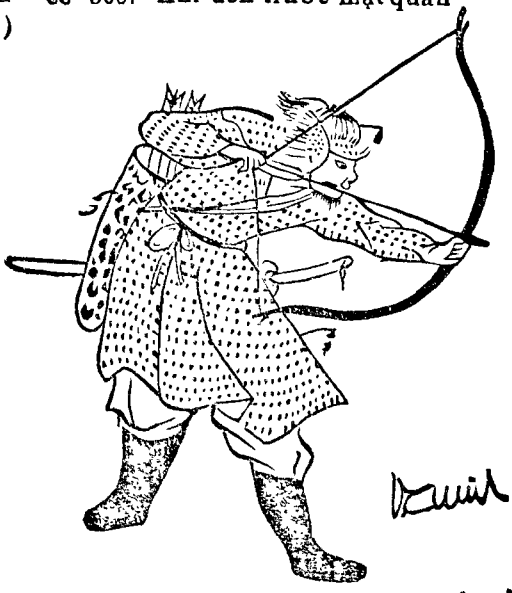

Quân Mông-Cổ bắn cung, phỏng theo tranh vẽ ở quyển l'Empire mongol et Tamerlan của Michael Prawdin.

Lúc giáp chiến, một hiệp tên bay tua tủa, bốn hàng quân đầu của quận công bị giã rời ngay, rồi hai quân sấn vào xung sát.

Quân Âu-châu, mặc giáp sắt, đánh giáp lá cà rất hăng, tưởng như thủ thắng, như quân Mông cổ trá-bại, dụ quân địch đuổi theo, khi vào trọng địa, quay lại, rẽ sang hai hàng, dùng cung tên, giáo, quất, quay lại tấn công rất dữ, ngựa bị trúng tên đều quị cả, bao nhiêu kỵ binh mặc áo sắt nặng nề, một khi bị hạ mã đều không kháng chiến được.

Trong khi ấy, — theo sử-gia kể — thình lình ở giữa trận có một cái mặt nạ buộc trên một cái sào dài hiện ra, rồi ở miệng hình-nhân phun ra những khói và hơi làm mù-mịt cả bãi sa-trường, quân Âu-châu rối loạn. Mông cổ thừa thắng phá tan cả bộ binh ở sau.

Đây là Mông cổ dùng hơi ngạt đầu tiên, từ thế-kỷ thứ XIII, rồi cách hai ngày sau trong trận đánh ở bờ sông Sajo lại dùng đến thuốc súng mà phá quân Hung-gia-Lợi.

Hai món lợi khí nay là nhờ người Trung quốc giúp sức cả.

Trận đánh ở Liegnitz, quận công Henri de Silésie và các tướng tùy tòng đều bị thiệt mạng. Sử chép : quân Âu châu tử trận từ 30 000 đến 40 000 người, quân Mông cổ lật tử-thi cắt tai bỏ vào chín cái bao đầy, còn thủ-cấp quận công thì họ đem bêu trước thành Liegnitz.

Tin quân Mông cổ tài giỏi và đánh đâu được đấy làm chấn động cả Âu châu, dân gian lấy làm lo sợ quá vì không biết những « thần binh, thần tướng » ấy từ phương nào lại.

Bà Hoàng thái Hậu nước Pháp, khi nghe kể những sự dã-man, tàn ác của quân ấy, lấy làm cảm động, phán hỏi nhà vua có cách gì để trừ những quân ấy.

Vua Louis IX tâu rằng : « Nếu quân Mông cổ kéo đến đây thì một là ta đuổi chúng về địa ngục

Xem tiếp trang 27

3) Qui-do (Gouiouk), miếu hiệu là Nguyên Định-tôn (1246-1248)

4) Qui-do nấn ná không về vì sợ cha mắng, cho mãi đến khi được tin cha mệt, mẹ có giấy gọi mới về. (theo sử-gia Pháp).

Xã - tắc hai phen bon ngựa đá

Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

Quân Nguyên sang lấn nước Nam lần thứ nhất

THÁNG chạp năm giáp-thân đời Trần Nhân - Tôn (1284), Nguyên thế Tổ sai Thái-tử là Thoát-Hoan cùng với bọn Toa-Đô và Ô-mã Nhi đem 50 vạn quân Mông-Cổ, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh nước Chiêm-Thành Quân Nguyên chia làm hai đạo : Một đạo do Toa-Đô làm tướng đem 10 vạn quân từ Quảng-châu đi đường hải đạo sang đánh Chiêm-Thành ; một đạo do Thoát-Hoan đem đại binh đến ải-quan đánh vào vùng Lạng-Sơn. Hưng-đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn liền sai quân đi chống giữ các mặt. Thoát-Hoan tiến quân sang đánh ở núi Kỳ-cấp (xem bản đồ số 1), ải Khả-ly và ải Lộc-châu vùng Lạng-Sơn. Quân nhà Trần ít, phải bỏ cả 2 ải ấy kéo về Chi-lăng, tức vùng Đồng-Mỏ, chỗ cây số 113k500 đường Lạng-Sơn bây giờ. Song thế giặc đương tiến mạnh, Hưng-đạo-Vương chống ở Chi-lăng mấy trận, rồi phải lui về giữ đồn Vạn-Kiếp .Thoát-Hoan lấy xong các cửa ải ở vùng Lạng-Sơn, thừa thắng kéo quân xuống lấy đồn Vạn-Kiếp. Quân nhà Trần non thế, lại phải lui về giữ thành Thăng-long. Thoát-Hoan lại kéo quân xuống hạ thành Hưng-đạo-Vương phải rước xa-giá Thượng-Hoàng và vua Nhân-Tôn chạy về mặt nam. Đương lúc nguy cấp thì lại bị thêm đạo quân của Toa-Đô từ Chiêm-Thành do đường bộ đánh ra Nghệ-An, để hợp với quân Thoát-Hoan mà đánh quân nhà Trần. Ô Mã-Nhi lại kéo quân đi đường bể vào tiếp-ứng cho quân Toa-Đô Hai bên đánh nhau mấy trận ở vùng Nghệ-An. Toa-Đô thì đánh từ mặt trong kéo ra, còn mặt ngoài này thì chiến-thuyền của quân Nguyên chia đóng suốt dọc sông Hồng-hà, từ Thăng-long xuống mãi đến khúc sông Đại-Hoàng (thuộc huyện Nam-Sang tỉnh Hà-nam bây giờ) Hưng-đạo-Vương thấy thế nguy-cấp, bèn rước xa-giá xuống Thiên-trường. rồi sau lại phải chạy vào Thanh-hóa.

Bấy giờ thế giặc đương lừng lẫy, từ Kinh Bắc, Thăng-long, Thiên-trường, chỗ nào cũng có quân Nguyên đóng chật. Đương lúc nguy cấp, thì được đạo quân của Trần-nhật-Luật và Trần-quốc-Toản kéo quân đến bến Hàm-tử, (Tức xã Hàm-tử, tổng Mễ Sở, phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên bây giờ) đánh nhau với quân Toa-Đô. Giặc bị thua to, chết hại rất nhiều, Toa-Đô phải lui quân đóng ở cửa Thiên-Trường. Lại một đạo quân của Trần-quang-Khải và Phạm-ngũ-Lão từ Thanh-hóa vòng đường bể kéo ra bến Chương-dương, (tức xã Bộ đầu, tổng Chương-dương, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông bây giờ) dàn vào đánh chiến thuyền của quân Nguyên Giặc chống không nổi phải bỏ lên bộ chạy. Quân nhà Trần thừa thế, đánh đuổi mãi đến chân thành Thăng-long mới hạ trại rồi sau kéo vào khôi phục Thăng-long. Thoát-Hoan thua to, phải bỏ Kinh-thành chạy sang Kinh-bắc. Hưng-đạo-Vương lại sai Trần-nhật-Duật và Trần-quang-Khải đem quân chặn hết các ngả, không cho quân Toa-Đô và quân Thoát Hoan thông được với nhau.

Đến tháng năm, năm Ất-dậu (1285) Hưng-đạo-Vương kéo quân ra bến Tây-kết (có lẽ là tổng Đông-Kết phủ Khoái-Châu tỉnh Hưng-Yên bây giờ) đặt phục binh để bắt Toa-Đô. Toa-Đô địch không nổi, bị trúng đạn chết ; còn Ô-Mã-Nhi xuống thuyền trốn thoát chạy được về Tầu.

Thoát-Hoan đóng ở Bắc-giang, nghe tin Toa-Đô đã chết và Ô-Mã-Nhi đã trốn, quân sĩ đều ngã lòng ; Thoát - Hoan bèn rút quân qua Vạn-kiếp để chạy về Tầu Khi đi tới Vạn kiếp bị toán quân của Nguyễn-Khoái và Phạm-ngũ-Lão đổ ra đánh cho một trận kịch liệt, tướng Nguyên là Lý Hằng bị bắn chết. Còn Thoát Hoan. Phan-Tiếp, A-bát-Xích và Lý-Quán cố đánh lấy đường để chạy, Thoát-Hoan bấy giờ phải chui vào một cái ống đồng rồi bắt quân bỏ lên xe kéo mà chạy. Đương khi kinh hoảng, lại bị một đạo quân của Hưng-võ-Vương Nghiễn và Hưng - nhượng - Vương Uy đón đường đánh cho phen nữa. Lý-Quán bị tên chết, còn Thoát-Hoan, A-bát-Xích và Phan-Tiếp thì chạy thoát được về Tầu ; quân sĩ tổn hại mười phần chỉ còn một hai. Thế là trong sáu tháng, quân của Hưng-đạo-Vương đã đuổi đánh hơn 50 vạn quân Nguyên ra ngoài bờ cõi, với một võ công oanh-liệt làm cho Nguyên chúa phải một phen nghiến răng căm hờn.

Quân Nguyên sang lấn nước Nam lần thứ hai

Tháng hai năm Đinh-hợi (1287), Trùng-Hưng thứ ba, Hốt-tất-Liệt căm vì một trận thua đau, lại sai Thái-tử là Thoát Hoan cùng A-bát-Xích, Áo-Đô-Xích, Ô-mã-Nhi, Phàn-Tiếp và Nguyễn-bá-Linh (tức Phạm-nhan) đem hơn 80 vạn quân sang đánh trả thù Bộ binh do Thoát-Hoan cầm đầu, theo đường Khâm, Liêm và Tư-Minh kéo sang

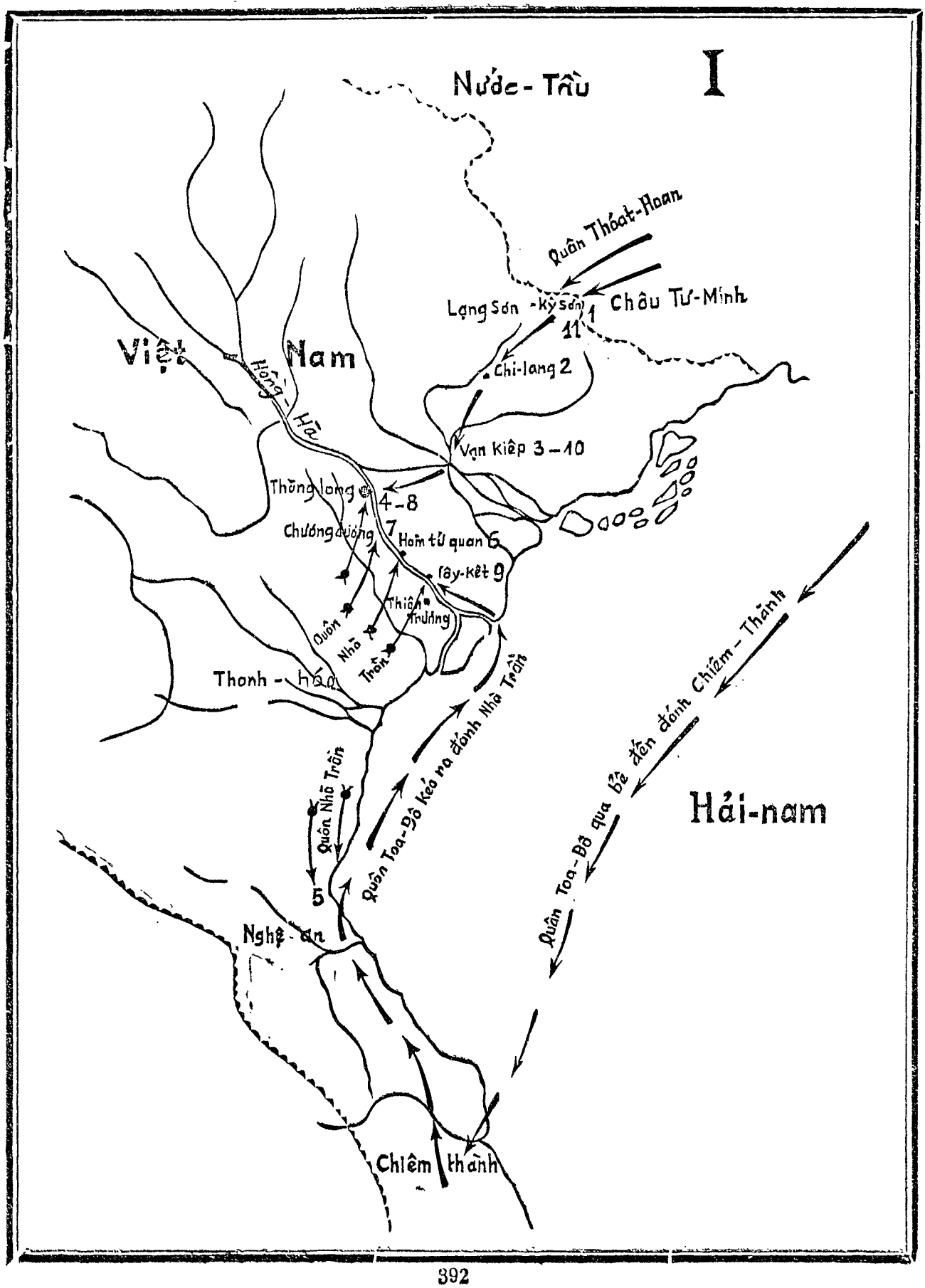
I
Nước - Tầu
Quân Thoát-Hoan
Châu Tư-Minh
Lạng Sơn - Kỳ Sơn 1
11
Chi-lang 2
Việt Nam
Hồng - Hà
Vạn Kiếp 3 – 10
Thông lang 4-8
Chương dương 7
Hàm tử quan 6
Ấy-Kết 9
Thiên Trường
Quân Nhà Trần
Thanh - hóa
Quân Nhà Trần
Quân Toa-Đô kéo ra đánh Nhà Trần
Quân Toa-Đô qua bể đến đánh Chiêm - Thành
Hải-nam
5
Nghệ - an
Chiêm thành

vùng Lạng-Sơn. Thủy-binh do Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp kéo hàng nghìn thuyền chiến đi đường bể, âm ầm vượt sang nước Nam. Hưng-Đạo-Vương kíp sai Trần-quốc-Toản, Lê-phụ-Trần dẫn 3 vạn quân vào trấn thủ mặt Nghệ-an ; Trần-Nhật-Duật, Nguyễn-Khoái dẫn 3 vạn quân lên giữ mặt Lạng-Sơn ; còn tự mình dẫn đại quân đóng ở núi Phù-Sơn (Hai-dương). Lại sai một đội quân lên chia đóng 3 đồn, là Sà, Từ và Trúc ở gần châu Tư-Minh mà chống với giặc. Tuy quân đóng giữ chu tất như vậy, song thế quân Nguyên mạnh lắm, cự không nổi, phải bỏ các đồn rút về Vạn-Kiếp. Thoát-Hoan tiến quân sang lấy các đồn, rồi dần dần tiến đến Phả-lại và Chí-linh vây đồn Vạn-Kiếp. Hưng Đạo-Vương, phải lui quân về giữ Thăng-long. Ô-Mã-Nhi, A-bát-Xích dẫn thủy quân từ Lục-đầu giang đánh xuống sông Hồng-hà. Hưng Đạo-Vương thấy thế nguy cấp, phải tạm rước Thượng-hoàng và vua Nhân-tôn xuống thuyền ra bể lui vào Thanh Hóa lần nữa ; còn mình thì cố giữ vững lấy Thăng-Long. Đương lúc nguy cấp thì lại được tin thủy quân của Trần khánh Dư bị quân Ô-Mã-Nhi đánh thua một trận ở ải Vân-đồn (Vân-hải, Quảng-yên), Thượng-hoàng lấy làm lo cho *quốc vận*.

Trần-khánh-Dư tuy thua một trận, nhưng chí phục thù đã định, bèn thu nhặt thuyền bè phục sẵn ở cửa bể Lục-thủy-dương (tức vịnh cửa Lục Hongay bây giờ) *Trương-văn-Hồ* là tướng Nguyên dẫn một đội thuyền lương do ngoài bể tiến vào, bị Trần-khánh-Dư thúc quân ra đánh, cướp được cả đội thuyền lương, bắt được quân lính và khí giới rất nhiều, Trương-văn-Hồ thua to, phải chạy ra bể, trốn về Quỳnh-Châu.

Tháng ba năm mậu-tí (1288) Hưng-đạo-Vương nghe tin Thoát-Hoan vì cạn lương và khí giới nóng nực không chịu nổi, muốn rút quân về, rồi sau sẽ liệu kế khác, nên mới sai Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp dẫn thủy quân theo sông Bạch-đằng ra bể về trước, còn mình thì sai Trình-bằng-Phi và Trương-Quân dẫn binh đi trận hậu, sửa soạn rút về. Hưng Đạo Vương bèn sai Nguyễn-Khoái dẫn binh đi tắt lên phía thượng lưu sông Bạch-đằng kiếm gỗ đẽo nhọn bọc sắt đóng khắp giữa dòng sông, rồi phục binh chờ sẵn ; một mặt sai Pham-ngũ-Lão, Nguyễn-chế-Nghĩa dẫn một đội quân lên phục ở ải Nội-bàng (Lạng-Sơn), chờ quân Nguyên kéo qua đó, thì đổ ra đánh. Còn Hưng-Đạo-Vương thì dẫn đại quân lên đánh giặc. Bọn Ô-Mã-Nhi bấy giờ đã kéo quân về đến sông Bạch-đằng. Nguyễn-Khoái nghe tin, bèn dẫn quân ra khiêu chiến, dử cho quân Nguyên kéo lên quá khúc sông đã đóng cọc, rồi đợi thủy chiều đã xuống, bấy giờ mới đánh thật hăng. Quân Nguyên đang chống đỡ thì lại bị một đạo đại quân của Hưng-đạo-Vương tiếp đến, khí thế rất mạnh. Ô-mã-Nhi và Phàn-Tiếp mới quay thuyền chạy trở lại, đến khúc sông đóng cọc, thủy triều đã lui, thuyền vướng phải cọc, nghiêng đổ, đắm vỡ mất nhiều. *Quan quân thừa thắng, đánh* cho một trận nên thân. Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp và Tích-Lệ Cơ-Ngọc, đều bị bắt sống, còn quân lính bị chết, máu chảy đỏ cả khúc sông. Quân Trần bắt được hơn 400 chiếc chiến thuyền và quân sĩ khí giới của Nguyên rất nhiều, thực là một trận toàn thắng.

Thoát-Hoan được tin thủy quân đã bị thua rồi, bèn sai A-bát-Xích, Áo-lỗ-Xích, Trình bằng-Phi, Trương-Quân, Trương-Ngọc, kíp do đường bộ chạy về, vừa đến ải Nội-bàng thì bị quân của Phạm-ngũ-Lão đổ ra đánh, Trương-Quân bị chém chết, khi đương chạy thì lại bị quân Trần mai phục hai bên sườn núi bắn tên thuốc độc ra như mưa, A-bát-Xích và Trương-Ngọc đều bị chết, còn Trình-bằng-Phi, và Áo-lỗ-Xích thì cố chết giữ gìn cho Thoát-Hoan chạy ra Đan-kỷ, qua Lộc-châu rồi lẻn đi con đường tắt về châu Tư-Minh. Thế là hai phen quân Nguyên ầm ầm như gió như bão kéo sang định nuốt sống nước Nam, song hai phen đều bị mưu-lược của Hưng-đạo-Vương đánh cho xiểng-liểng, cùn cụt chạy về với một đám quân tàn tạ, cũng đủ hết vía kinh hồn, mà phải tìm cách giảng-hòa với người chiến thắng. Tưởng cái công dẹp giặc yên dân của nhà Trần muôn đời vẫn còn chói lọi. Rõ thực là : «*Xã-tắc hai phen bon ngựa đá, Non sông muôn thuở vững âu vàng*».

Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

Tiểu chú của bản đồ số 1

(*Phỏng theo Việt-Nam Sử-lược của T. T. K*)

1) Quân Thoát-Hoan đánh ở núi Kỳ-cấp.

2) Trận Chi-lăng, quân nhà Trần thua chạy về Vạn-kiếp.

3) Đồn Vạn-kiếp thất thủ, Hưng-Đạo Vương lui về Thăng-long.

4) Thành Thăng-long bị hạ, vua Nhân-Tôn và Thượng-Hoàng phải dời xa-giá về phía Nam.

5) Quân Trần-Quang-Khải chống giữ quân Toa-Đô ở Nghệ-an.

6) Quân Trần-Nhật-Duật đánh bại quân Toa-Đô ở Hàm-tử-quan vào hồi tháng tư năm Ất-dậu (1285).

7) Quân Nguyên đóng thủy binh ở Chương-dương-độ bị quân Trần-quang-Khải sấn vào đánh cho thua to.

8) Quân của Thoát-Hoan đóng ở Thăng-long bị Trần-quang-Khải, Trần-quốc-Toản, Phạm-ngũ-Lão đánh cho siểng liểng, phải bỏ thành, chạy sang Kinh-Bắc.

9) Tháng năm, năm Ất-dậu (1285), Hưng-Đạo-Vương phá quân Toa-Đô ở

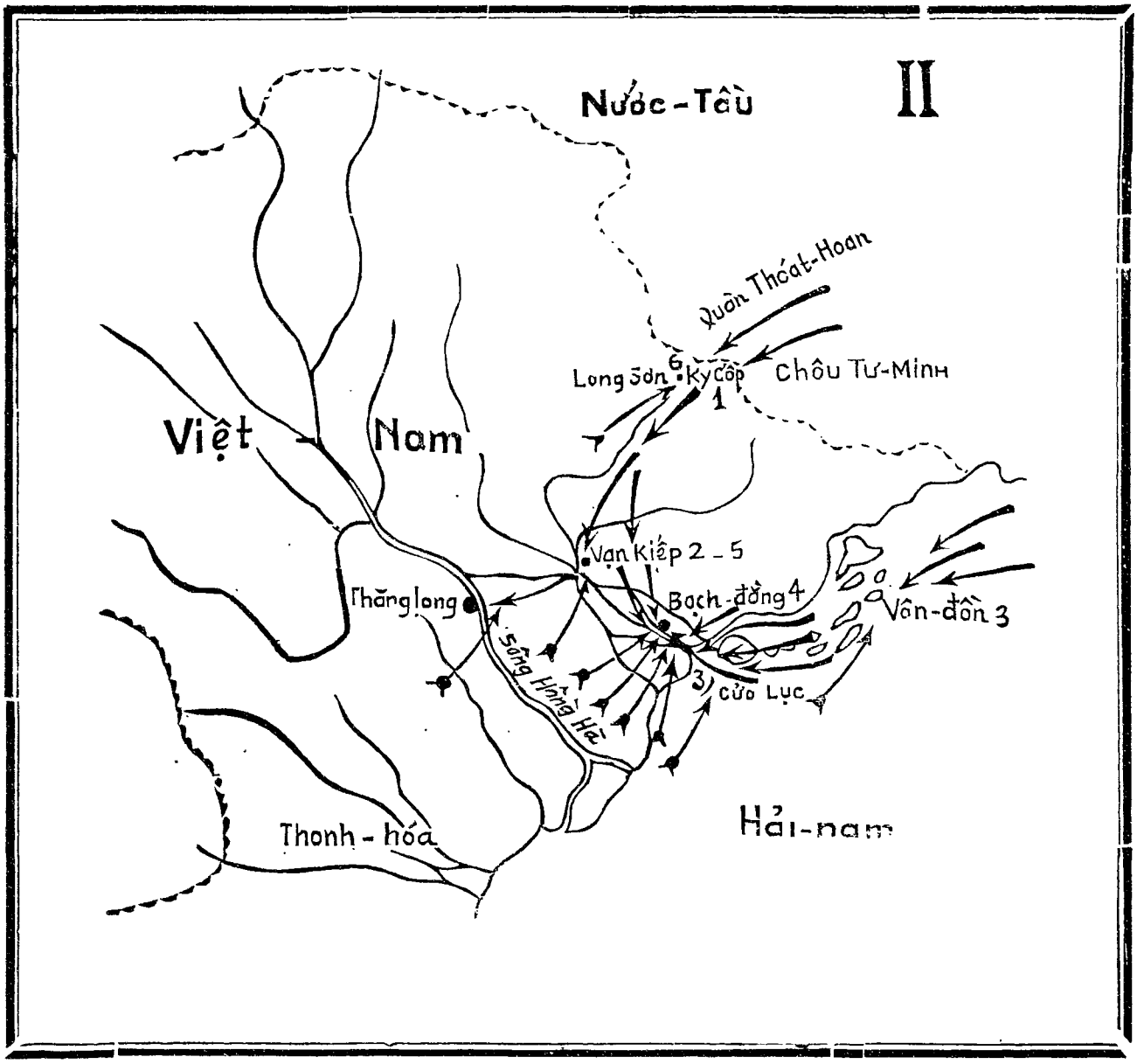

Tây-kết, Toa-Đô bị tên bắn chết ở chỗ này.

10/ Thoát-Hoan chạy về, qua bến Vạn-kiếp bị quân nhà Trần đánh cho mười phần tổn hại đến năm, sáu phần, Lý-Hằng bị tên bắn chết.

11/ Thoát-Hoan thua chạy, bị quân Trần đuổi gấp, phải chui vào ống đồng để xe đi mới chạy thoát, Lý-Quán trúng tên bắn chết, còn Thoát-Hoan và A-bát-Xích cùng Phàn Tiếp cỡi ôm đầu chạy, trốn được về Tầu. Quân Trần toàn thắng.

Tiểu dẫn của bản đồ số II

1/ Quân Hưng-Đạo-Vương đóng ở núi Phù-sơn bị quân Nguyên kéo từ châu Tư-minh sang đánh, phải lui về Vạn-kiếp.

2/ Quân Nguyên thừa thắng, đánh lấy Vạn-kiếp rồi từ sông Lục-đầu kéo xuống sông Hồng-hà để uy hiếp Thăng-Long.

3/ Quân Trần-khánh-Dư bị thua thủy-quân của Ô-mã-Nhi ở Vân-Đồn.

3'/ Thuyền lương của Nguyên do Trương-Văn-Hổ kéo vào cửa bể Lục-thủy-dương bị quân của Khánh-Dư đánh cướp mất cả.

4/ Ô-mã-Nhi thấy thuyền lương bị bắt, chán nản kéo về, khi đến Bạch-đằng, bị Nguyễn-Khoái đử đánh, quân Nguyên thuyền bị vướng cọc, chết hại vô kể, Ô-mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Tích-Lệ Cơ-Ngọc đều bị bắt sống.

5/ Thoát-Hoan chạy từ Vạn-kiếp về đến ải Nội-bàng, bị phục binh của Phạm-ngũ-Lão đổ ra đánh : Trương-Quân bị chém chết.

6/ Ải Nữ-nhi và núi Kỳ-cấp, quân Trần mai phục bắn tên thuốc độc ra như mưa: A-bát-Xích, Trương-Ngọc đều bị chết, còn Trình-bằng-Phi và Áo-lỗ-Xích cố đánh lấy đường cho Thoát-Hoan chạy tắt về châu Tư-Minh. Quân Trần toàn thắng.

SÓNG BẠCH-ĐẰNG

của H. MINH - TUYỀN

Hỡi Bạch-Đằng giang, nơi chiến trận
Của nước Nam nhà tự thủa xưa !
Hỡi Bạch-đằng giang, nơi Quốc-Tuấn
Đại thắng quân Nguyên cắm ngọn cờ !
Lô-xô sóng gợn, trời xanh ngắt,
Sa-tràng dấu cũ lấp vùi đâu ?
Nước đục lờ trôi, hào-kiệt khuất,
Hỏi tới ngày nay đã mấy thâu ?
Chiến công rực-rỡ, gương thần-võ,
Ngàn năm sáng tỏ cõi lòng dân.
Vạn-kiếp uy-nghi cung miếu cổ,
Khói vẽ muôn hình bóng vĩ-nhân.

◆

Tựa đá chênh vênh, nhìn bốn cõi :
Non chen, núi chởm, sóng đồi cong,
Nhấp-nhô làng mạc lênh-đênh nổi,
Ruộng thấp, gò cao : lớp sóng đồng.
Hương thơm bay tới, hồn mê đặc,
Đồi mới giang-san khác lạ-lùng :
Kìa rừng rậm-rạp, cây nghiêng lắc,
Theo dọc bờ sông khắp một vùng !
Kìa ai trên ngựa cương buông lỏng,
Đang ngắm hoa rừng, nước xuống vơi !
Địa-thế xem qua nơi yếu trọng,
Lão-tướng (1) sờ gươm, bỗng cả cười...

◆

Phương đông lang-lổ mây hồng dệt,
Tiếng gáy gà xa, ngọn gió may.
Linh-tráng, dân, quan, oai dũng liệt,
Tụ-tập trong rừng : bi-hiểm thay !

Tướng-quân Nguyễn-Khoái, bên cờ lệnh,
Cổ-võ dân-gian đánh chẹn đường :
Nguyên-tặc phen này dù mọc cánh,
Khó lòng bay khỏi Bạch-đằng giang.

Tựa làn sóng thúc đê bung vỡ,
Nghĩa binh chia việc, chuyện hân-hoan,
Ra sức cưa tre cùng xẻ gỗ,
Phạt cành, đẽo gốc, rộn rừng hoang.

◆

Buổi sáng tinh sương trời mát-mẻ,
Ào-ào nước rút, cuốn bùn đi.
Một giải giang-tâm hai dặm lẻ,
San-sát thuyền binh chứa gỗ, tre.
Trăm ngàn chiến-sĩ đương hăm-hở
Thi nhau đóng cọc khúc sông Đằng :
Kẻ giữ chân thang, người giáng búa,
Đất cựa, đê lay, truyền động rừng.
Trên bờ đắp ụ, che hầm-hố.
Tiềm-tàng gạch, đá, mác, câu-liêm.
Dân binh, sốt-sắng, vui niềm-nở,
Huyết sôi sùng-sục, nói huyên-thiên :
Những kẻ hôm nay đi cấy cọc,
Ngày mai sẻn, gặt sốc đầu-lâu.
Những kẻ hôm nay làm khó nhọc,
Ngày mai say uống máu quân thù.

◆

Mù tung cát bụi qua thôn xã,
Quan quân vội-vã tiến như bay,
Bỗng dừng chân đứng bên sông Hóa :
Sóng cạn trơ bùn khó vượt thay !

Quốc-công Tiết-chế (2), trên voi xám,
Lặng ngắm hương-dân mải bắc cầu :
Lũ-lượt kéo ra trong ngõ xóm,
Đàn bà, con trẻ chạy đua nhau,
Già-cả theo sau đàn cháu chắt,
Tay ôm lễ-mễ rạ cùng rơm,
Mang giải ngang sông, làm tấp-nập
Lấy đường linh chảy quãng bùn trơn.

Voi xám, chẳng may vì quá nặng,
Sa lầy, giỏ lệ, ngắm quân đi...
Hưng-đạo, đau lòng, giơ kiếm trắng,
Trông voi, gửi với một nhời thề :
« Thề chẳng quay về nhìn sông Hóa
« Nếu không quét sạch lũ binh Nguyên ».
Dân-chúng ngậm-ngùi : voi buồn-bã,
Chết đứng dần theo mực nước lên !

◆

Mông mênh muôn dặm Đằng-giang phẳng,
In sắc hồng tươi, rọi bóng tà.
Đạ-Việt hùng binh chèo lẳng-lặng,
Trông vời Tây-Bắc, nẻo rừng xa ;
Răm trăm thuyền địch lô-nhô hiện,
Cờ bay phấp-phới xuống Đông-Nam.
Nguyễn-Khoái hô quân, truyền thách chiến :
Thét mắng vang trời nhiếc giống tham.
Ô (3) tặc giậm chân, đầy tức khí,
Xông-xáo vung đao giữa trận tiền.
Mặt nước giao-tranh tài dũng-sĩ,
Giản đâm, trùy bổ, động thiên-biên.

Từng xanh lơ-lửng giăng mờ tỏ,
Say-sưa, mê ngắm cảnh trần-gian :
Loáng-nhoáng đường gươm, bong lá mỡ.
Chập-chờn ngọn kích, rụng buồng gan.

Bỗng rúc còi lệnh trong giây khắc,
Quân Nam lui chạy, thẳng giòng sông.
Nguyên tướng vuốt râu, lòng hậm-hực,
Chỉ roi, tận-lực đuổi kỳ cùng.

Giăng non (4) sớm khuất, mơ huyền-ảo,
Nước vội ra đi, thúc giục giòng.
Chân đê bay vọt thăng-thiên pháo,
Thuyền Việt quay đầu đại phản công.
Gió rên, rừng hú, mây đen đặc,
Chiêng khua, trống đập, miệng loa vang.
Quân reo hoan-hỷ : « Anh em chặt...! ! »
Tướng tả tung-hoành múa tít thương.

Bờ sông nổi, mọc muôn ngàn đuốc,
Ngọn lửa múa-mang, ánh dập-dờn,
Ùa lại ầm-ầm như sóng nước :
Nhốn nháo Nguyên-binh sợ hoảng-hồn.
Quân Nam vững dạ, thêm hăng-hái :
Hưng-đạo, người giỏi, tiếp viện-binh !
Ô, Phàn (5) bối-rối, buồn tê-tái,
Áo Tích (6) mê cuồng, thất vía kinh.

Quân Nguyên hỗn-độn, chèo tung sóng,
Thuyền ngược sông đi, trốn chạy hoài.
Đuốc đuổi trên bờ : ma hiện bóng !
Nước xuống rì-rầm kéo các trôi...

Cọc nhọn nhô đầu, thuyền ụp vỡ.
Nguyên binh tè-lộn, tiếng kêu cầu...
Đá ném dào-dào, tan nát sọ,
Tên bay tua-tủa, lách qua hầu.
Lao phóng trúng tim, tia máu vọt,
Mác xiên thủng bụng, mở lòng rơi.
Liều thân, Nguyên tướng mong ra lọt,
Lọt khỏi trùng vây kín đặc người.

Đồng bào Tư-Hãn ngoi lên cạn,
Câu-liêm móc cổ, kiếm vằm xương.
Họ hàng Tất-Liệt, trong vòng trận,
Giày séo, đè nhau, chết ngổn-ngang.
Bùn đen nhào óc, thây chồng-chất,
Lấp khúc Đằng-giang, nước ứ tràn...
Dân Việt, thiên-thần, ken gót chặt,
Giặc Nguyên, quỷ-sứ, bó tay hàng.

◆

Phá vỡ mây đen, xua đuổi sạch,
Bình-minh chói-lọi, mở toang giời.
Quăng gươm, tráng sĩ, bên thành-quách,
Sướng nhầy, ôm nhau, lệ ứa rơi...
Gió đùa hoan-lạc, xoay tròn lá,
Chim reo múa cánh, rộn từng không.
Ong mừng vỡ tổ, bay muôn ngả,
Bướm lượn tưng bừng dợp núi sông.
Đường tắt, ngõ ngang nô-nức bước,
Chị gọi, em theo, trẻ dắt già,
Mẹ bế bồng con đi đón rước
Anh-hùng cứu-quốc, khải-hoàn, ca...

H. MINH-TUYỀN

---

1) Nguyễn-Khoái.

2) Quốc-Công Tiết-Chế thống-lĩnh thiên-hạ chư quân là tước của Trần-quốc-Tuấn Hưng-Đạo-Vương do vua Trần-Nhân-Tôn tiến-phong.

3) Ô-mã-Nhi.

4) Mồng tám tháng ba, năm mậu-tý (1288), niên-hiệu Trùng-Hưng thứ tư.

5) Ô-mã-Nhi, Phàn-Tiếp.

6) Áo-Lỗ-Xích, Tích-Lệ-Cơ-Ngọc.

Dật-sự đức HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG

Tháo đầu gậy nhọn

Giặc Nguyên sang lấn, xe giá vua Trần phải long-đong bôn-bá ra ngoài. Hưng-Đạo-Vương những khi đi phò giá, thường cầm cây gậy có cái đầu bịt nhọn. Nhiều người vốn biết Vương có mối hiềm của An-sinh-vương đối với vua Trần Thái-Tôn khi xưa, họ đem lòng nghi ngờ, sợ ngài sẽ thừa dịp để rửa mối hiềm cho vương-phụ. Ngài nhân thế, vứt bỏ cái đầu bịt đi, chỉ cầm gậy không. Bản-triều vua Dực-tôn vịnh sử, có bài thơ « Gậy Trần Hưng-Đạo ».

Quốc-công tắm Thượng-tướng

Trần Quang-Khải là con thứ vua Trần Thái-tôn, người thông-minh và có học-thức, vua Thánh-tôn phong cho làm chức Tướng-quốc, đến triều vua Nhân-tôn, tiến lên làm chức Thượng-tướng. Trong năm Thiệu-bảo, giặc Nguyên sang cướp, Quang-Khải đem quân chống giặc, chém chết được Toa-đô ở Hàm-tử-quan. Sau khi giặc bình, được tiến tước Thái-sư Chiêu-minh đại-vương.

Chiêu-Minh và Hưng-Đạo từ trước vốn vẫn không hòa-hợp với nhau. Tính Chiêu-Minh vốn sợ tắm gội, Hưng-Đạo-Vương thì trái lại. Một lần Hưng-đạo ở Vạn Kiếp về, Chiêu Minh xuống thuyền suốt một ngày chơi đùa vui vẻ. Hưng-Đạo nhân đùa bảo thân-thể Chiêu-Minh cáu ghét, xin cho phép tắm, bèn cởi áo Chiêu-Minh ra, lấy nước trong-sạch thơm tho dội vào tắm rửa và nói :

— Bữa nay rất hân-hạnh được tắm cho quan Thượng-tướng.

Chiêu-Minh cũng nói :

— Bữa nay rất hân-hạnh được quan Quốc-công tắm rửa cho.

Từ đấy anh em lại thân mật, cùng lòng phù tá hoàng-thất.

Bến voi

Mùa xuân năm Trùng-hưng thứ 4 (1288). Hưng-đạo-Vương một bữa từ quân-dinh ở làng A-sào huyện Phượng-dực (1), nhổ trại kéo sang sông Bạch-đằng để đánh phá quân Ô-mã-Nhi. Lúc qua sông Hóa (2) nước thủy-triều rút cạn, ngài thúc voi lội qua sông. Không may con voi ngài cưỡi bị sa lầy, khiêng mãi lên không được, ngài đành phải bỏ voi lên bộ. Con voi thấy ngài đi, nó ứa nước mắt ; ngài rất là cảm động. Đến lúc thắng trận trở về, con voi đã bị thủy-triều lên dìm chết từ lâu. Ngài thương tiếc nó, sai xây một con voi gạch bên sông để kỷ niệm. Con voi gạch ấy hiện nay hãy còn.

Lời cha, ý con

Hưng-Đạo-Vương là con của An-sinh-vương Liễu, anh ruột vua Trần Thái-Tôn.

Khi trước, An-sinh-vương cùng vua Thái-Tôn có mối hiềm-khích. Vì thế khi sắp mất, An-sinh-Vương có bảo con rằng :

— Sau này nếu con không vì ta lấy được thiên-hạ, ta nằm dưới đất sẽ không thể nào nhắm mắt được

Hưng-Đạo-Vương ghi để lời ấy vào lòng nhưng không lấy làm phải. Đến khi quốc gia nguy nấng, quyền quân quốc ở cả tay Vương, Vương nhân đem lời nói của cha ngày xưa hỏi ý hai người gia-nô là Yết-Kiêu, Dã-Tượng. Hai người can rằng :

— Làm sự ấy tuy được phú-quý một thời nhưng mà tiếng xấu để mãi về nghìn năm. Nay Đại vương há chẳng đã phú quý rồi ư ? Chúng tôi thề chết già làm kẻ gia nô, chứ không muốn được làm quan mà là người không có trung hiếu.

Vương cảm động ứa nước mắt, khen là lời nói phải.

Một hôm ngài thử hỏi để xem ý người con giai nhớn là Hưng-Võ-vương rằng :

— Người đời xưa làm nên giầu có cả thiên-hạ để truyền cho con cháu, ý con nghĩ sao ?

Hưng Võ-vương thưa rằng :

— Giá họ khác tưởng cũng không nên, huống chi lại là cùng họ.

Ngài khen là bụng nghĩ rất phải.

Lại một hôm, ngài hỏi thử người con giai thứ ba là Hưng-Nhượng-vương Quốc-Tảng. Quốc-Tảng nói :

— Vua Thái-tổ nhà Tống khi xưa chỉ là một người cày ruộng, thế mà đã biết thừa dịp dấy lên để có cả thiên hạ.

Ngài nghe nói liền tuốt gươm mà kể tội rằng :

— Xưa nay loạn-thần là sinh ra từ những đứa con bất hiếu.

Nói rồi toan giết Quốc Tảng, vì có Hưng-võ-vương khóc lóc can ngăn mới thôi. Đến khi ngài sắp mất có dặn Hưng-Võ-vương rằng :

Sau khi ta mất, phải đậy nắp quan rồi mới được cho Quốc tảng vào viếng.

TRÚC-KHÊ

(1) Nay là huyện Phụ-dực tỉnh Thái-bình
(2) Ở huyện Phụ-dực.

GIA-ĐÌNH ĐỨC TRẦN-HƯNG-ĐẠO

Đối với giòng trị vì, đức thánh Trần hưng-Đạo thuộc về ngành trưởng. Trần-Thừa, sau được tôn là Thái-Tổ, sinh ra bốn người con giai và hai con gái. Bốn trai là Trần-Liễu, tức An-sinh vương ; Trần Cảnh tức là vua Trần Thái-tôn ; Nhật-Hiệu, tức Khâm-thiên Vương ; Ba-Liệt, tức Hoài-đức vương. Hai gái là Thụy bà công-chúa và Thiên-thành công-chúa.

An-sinh vương Liễu lấy bà vợ trước húy là Nguyệt, đẻ ra hai con giai và một con gái là Võ-thánh vương Trần Doãn, đức thánh Hưng-đạo vương và Thiên-cảm hoàng-hậu sau lấy vua Trần Thánh-tôn. An-sinh vương lại lấy Thuận - Thiên công-chúa, là chị bà Lý Chiêu-hoàng.

Thuận - thiên công - chúa đương có thai thì Trần thủ-Độ, vì muốn cho nhà vua sớm có con nối ngôi, nên đem vào cung để dựng làm vợ cho vua Trần Thái. Đúng ngày tháng, bà Thuận thiên đẻ ra Tĩnh-quốc vương Quốc-khang là con cả vua Thái-tôn vậy. Bà này sau lại sinh ra vua Thánh-tôn và các ông Trần quang-Khải, Trần Ích-Tắc và Trần nhật - Duật, vân vân.

Đức Thánh Trần nhớn lên, lấy Thiên - thành công chúa, sinh ra được bốn con giai là Quốc Hiến, Quốc-Uy, Quốc-Tảng, Quốc - Nghiễn và một gái là Trinh công-chúa. Ngài lại nuôi thêm một con gái nuôi đặt tên là Nguyên công-chúa.

Ngài trị gia rất nghiêm, dạy các con cái hết sức cẩn-thận, nên bốn con sau này đều thành những tay tướng giỏi trong trận đánh Nguyên, rất có công với nước nhà.

Mà con gái cũng trở nên những bà vợ giỏi. Trinh công-chúa sau lấy vua Nhân - tôn được tôn là Khâm-từ hoàng-hậu. Nguyên công-chúa lấy Phạm-ngũ-Lão, một tay gia tướng bậc nhất của đức thánh Trần.

Bốn con giai cũng đều được phong vương tước cả. Quốc-Hiến tước Hưng-võ vương, lại lấy con gái cả vua Thánh tôn là Thiên - thụy công-chúa, Quốc-Uy tước Hưng - hiến vương ; Quốc-Tảng tước Hưng-nhượng vương ; Quốc - Nghiễn tước Hưng-trí vương. Ông này sau thích khai khẩn ruộng đất, về lập trại ở làng Chương-mỹ, huyện Thủy-đường Hải-dương, nay thuộc về tỉnh Kiến-an. Sau ông mất, dân nhớ ơn, lập đền thờ.

Hưng-nhượng vương Quốc-Tảng có con gái lấy vua Anh-tôn tức là Thuận-thánh hoàng hậu.

Sau khi đức thánh Trần mất rồi, nhà vua nhớ công nghiệp của ngài, mới truy tôn thân-phụ ngài là An-sinh vương Liễu tước Khâm - minh đại-vương và thân-mẫu ngài tức Thiên-đạo quốc-mẫu. Vợ ngài cũng được tôn phong là Thụy-dương ngọc nhất nguyên - từ quốc-mẫu.

Kể gia-đình, ngài thật là một gia-đình hoàn-toàn nhất từ xưa tới nay : đủ cả tam-đa, ngũ phúc, mà cha con đều rạng-rỡ sử xanh, danh truyền mãi mãi.

Nhưng người ta phải lấy làm lạ về việc « *đồng tộc giao hôn* » của nhà Trần.

Sự đó, nếu ta xét kỹ thì cũng chẳng lấy chi làm lạ.

Nhà Trần nhờ nữ-sắc mà được thiên-hạ, sợ sau này cơ-nghiệp cũng đổ nát theo lối ấy, nên ra lệnh cho anh em trong nhà được lấy lẫn lộn nhau, và cấm giòng trị-vì không được cử con gái họ ngoài lên chức cung-phi, hoàng-hậu.

Cũng bởi lẽ đó, Trần thủ-Độ mới lấy Lý hoàng-hậu là con Trần Lý và Thái-tôn mới lấy vợ An - sinh vương. Đấy là thuộc về lẽ chính-trị.

Cái nguyên-nhân thứ hai này có lẽ đúng hơn. Việc hôn-thú ở nước ta về đời Lý chưng chưa định luật nghiêm-ngặt quá, nên trong dân gian, cùng họ còn có thể lấy nhau. Gia-dĩ con gái họ Trần đều đẹp cả, đáng sánh đôi với hạng giai tài chỉ trong họ ấy mới có nhiều, nên sự lấy nhau đó lâu dần thành ra thói quen, không lấy gì làm chướng ngại cho lắm.

Còn một lẽ nữa, có lẽ vì nhà Trần bấy giờ chịu ảnh-hưởng Phật-giáo rất mạnh và sâu, không bó-buộc theo giáo-điều của nho gia, nên trong hoàng-tộc mới có cái tập tục « đồng tính liên-hôn » như hoàng - gia bên Xiêm vậy.

CHÂU-THIÊN

GIA-TƯỚNG ĐỨC TRẦN HƯNG-ĐẠO

Yết-Kiêu và Dã-Tượng

YẾT-KIÊU tự là Hữu-Thế, người xã Hạ bì, tỉnh Hải dương.

Một ngày, trên bãi cát ở bờ bể, hai con trâu húc nhau rất hăng hái, không ai dám vào gỡ ra. Vốn có sức khỏe, lại có dũng-cảm, Yết-Kiêu lấy gậy xông vào, đánh tan hai con trâu; trâu chạy xuống bể. Yết-Kiêu lại có tài bơi lội, vùng vẫy suốt ngày dưới nước như đi trên cạn, bèn nhẩy xuống bể, kéo được hai con trâu lên bờ.

Niên hiệu Thiệu-bảo (1283), quân Nguyên sang sâm lấn nước ta. Triều đình yết bảng kén nhân tài ra binh giặc. Yết-Kiêu vui lòng ra ứng mộ. Vua cấp cho giáp-binh, ông không nhận, chỉ xin ban cho một chiếc dùi sắt để lội xuống nước, đục đáy thuyền giặc. Vua cũng cho được như ý.

Yết-Kiêu ngày ngày xuống nước, chờ thuyền giặc qua lại, lấy dùi khoan thủng đáy thuyền, khiến thuyền giặc chìm đắm mất nhiều.

Tướng nhà Nguyên là Ô-mã-Nhi lấy kính thủy-tinh, soi xuống nước thấy người dùi thuyền, bèn truyền chăng lưới bắt. Yết-Kiêu, trong lúc vô-tình, bị mắc lưới. Quân Nguyên giải nộp Ô-mã-Nhi. Mã-Nhi hỏi: « Nước Nam, người có tài như ngươi phỏng được bao nhiêu ? »

Yết-Kiêu đáp: « Nước ta không thiếu người thiện-thủy. Giỏi hơn ta đã lắm, mà tài như ta cũng nhiều. Nếu ngươi tha cho ta, ta sẽ dẫn đi truy nã được hết. »

Ô-mã-Nhi nghe nhời, cho Yết-Kiêu xuống thuyền con chở đi.

Yết-Kiêu thừa cơ, nhẩy xuống nước lẩn trốn. Lái thuyền về báo, Ô-mã-Nhi tức giận nói rằng: « Nước Nam còn có nhiều nhân-tài, không sao ở lâu được ! »

Hưng-đạo-vương dùng Yết-Kiêu làm gia-thần, đãi rất hậu, kịp lúc giặc Nguyên kéo đến, Yết-Kiêu giữ chiến thuyền ở bến Bãi-tân.

Dã-Tượng theo Hưng-đạo-vương ra trận.

Quân ta đánh nhau với giặc Nguyên ở núi Kỳ-cấp hai ba trận không phân thắng bại. Nhưng sau vì ải Khả-ly và ải Lộc-châu thất thủ, quân Nam phải rút về ải Chi-lăng. Thoát-Hoan dẫn đại-binh đến đánh Chi-lăng. Hưng-đạo-vương thấy quan quân thất lợi, chu-sư đều tan vỡ, bèn muốn do đường núi rút lui.

Dã-Tượng trình rằng: « Yết-Kiêu chưa thấy Đại-vương, tất chưa nhổ thuyền đi nơi khác. Xin Đại-vương chạy ra bến Bãi-tân xuống thuyền về Vạn-kiếp ! »

Hưng-đạo-vương ra tới Bãi-tân, quả nhiên Yết-Kiêu vẫn giữ chiến-thuyền được nguyên vẹn.

Hưng-đạo-vương vui mừng, nói rằng: « Chim hồng-hộc bay cao, phải nhờ đến sáu cái lông cánh; nếu không có sáu cái lông cánh, thì chim hồng hộc cũng không hơn gì chim thường ».

Nói xong, ngài xuống thuyền, truyền lệnh dương buồm chạy.

Quân Nguyên đuổi theo không kịp.

Hưng-đạo-vương về tới Vạn-kiếp, các tướng thu nhặt tàn-quân dần dần cũng kéo về đấy cả.

Đại-vương chia quân giữ mặt Bắc-giang, sai Dã-Tượng đem chiến-thuyền đến Lục-đầu, qua Vĩnh-lại, liên-lạc với Nông-kỳ-Công, đóng trăm vạn thuyền ở Bộc-giang để làm thanh-viện, cùng nhau chia đường tiến đánh.

Đại-vương sai Nguyễn-tha-Lư giữ Thảo-nham; Dã-Tượng và Yết-Kiêu giữ Thủy-nham. Họ cùng nhau giết trâu, nấu rượu, ăn uống vui-vẻ, để đợi tin báo-tiệp.

Đến khi giặc Nguyên tan-vỡ, giang-sơn lại được như cũ, vua Trần mới định công, ban thưởng.

Yết-Kiêu, Dã-Tượng có nhiều công bình giặc Nguyên đều được phong tước và liệt vào miếu công-thần.

Công-trạng được ghi chép trong sách « Trung-hưng thực-lục », lại được họa tượng treo ở gác « Công-thần ».

Phạm-ngũ-Lão (1255 — 1321)

Phạm-ngũ-Lão, người làng Phù-ủng, phủ Ân-thi, Hưng-yên, sinh năm Ất-mão niên hiệu Nguyên-phong thứ 5 (1255), đời vua Thái-tôn nhà Trần.

Gia thế nghiệp nông, Ngũ-Lão dung mạo khôi ngô, tư trời thông sáng, và lại tài khí khác thường. Kinh thánh, truyện hiền, binh thư, võ lược, ông gồm thông cả.

Tính vốn khẳng khái. Làng có một người là Bùi-công-Tiến đỗ Tiến-sĩ, ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, riêng Ngũ-Lão không thèm lại. Bấy giờ ông hai mươi tuổi.

Bà mẹ Ngũ-Lão bảo rằng: « Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm ! Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút ? »

Ngũ-Lão thưa rằng: « Thưa mẹ, con chưa làm nên sự-nghiệp gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người tai thì con lấy làm nhục lắm ! »

Nhà ở bên cạnh đường cái. Một ngày, Phạm-ngũ-Lão khoanh chân, ngồi vệ đường, vót tre đan sọt, chợt có Trần Hưng-đạo đại-vương từ đồn Vạn-kiếp chầy vào kinh (Ha-nội), quan quân kéo đi rất đông. Quân tiền-đạo thấy Ngũ-Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, thét bảo đứng dậy. Ngũ-Lão cứ ngồi nghiễm nhiên, như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi Ngũ-Lão. Ông vẫn cứ ngồi vững không động mình.

Xe Hưng-đạo vương liền tới. Trông thấy thế, ngài lấy làm lạ, dừng lại cho hỏi. Bấy giờ Ngũ-Lão mới biết là có quan quân đi qua và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng-đạo-vương hỏi đến sự học-hành. Ngũ-Lão ứng đối như nước

chầy. Ngài biết là tay văn võ toàn-tài, sai nhổ mũi giáo, dịt thuốc dấu, cho ngồi xe đưa về kinh, tiến cử lên vua cho coi quân Cấm-vệ.

Các vệ-sĩ không phục, xin cùng Ngũ-Lão đấu võ-nghệ. Ngũ-Lão nhận nhời, xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức.

Ngũ-Lão về nhà, ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao, tập nhảy. Hết hạn, lại vào kinh, họp cả quân Cấm-vệ để cùng đấu võ. Các vệ-sĩ xúm chung quanh kể hàng nghìn người. Ngũ-Lão tay đấm, chân đá, nhảy nhót như bay. Nghìn người không địch nổi, nên đều chịu phục cả.

Một ngày, Hưng-đạo-vương mở trường diễn võ để thi tài các gia-tướng, treo giải một tấm lụa. Duy có Ngũ-Lão bắn 3 phát tên đều trúng hồng-tâm nên được lĩnh giải. Yết-Kiêu không phục, xin cùng đấu kích, nhưng cũng bị thua Ngũ-Lão.

Hưng-đạo-vương cho Ngũ-Lão là đầu hàng các gia-tướng và gả dưỡng nữ cho làm vợ.

Ngũ-Lão xuất thân làm tướng, trị quân có kỷ-luật, đãi tướng-hiệu như người nhà, ở với sĩ-tốt cùng chịu cam-khổ, cho nên vẫn gọi là «phụ tử chi-binh», đánh đâu được đấy.

Năm Giáp-thân (1284), đời vua Nhân-tôn, thái-tử nhà Nguyên là Thoát-Hoan cùng đại-tướng là Ô-mã-Nhi kéo 50 vạn quân sang lấn nước ta, một mặt thì tướng Toa-Đô sang đánh Chiêm-thành, hai đường hợp một, tấn công cùng một lúc.

Triều-đình sai Trần-quang-Khải cùng Phạm-ngũ-Lão hãn ngữ mặt trong. Khi quân Toa-Đô tới Nghệ-an, Quang Khải và Ngũ Lão đem quân chống cự, quân giặc bị thua.

Lúc ấy vua Nhân tôn đóng ở Thanh hóa, lại sai Ngũ Lão cùng Quang Khải đem quân từ Thanh hóa đi thuyền vòng đường bể ra bến Chương dương đánh giặc. Quan quân đánh hăng quá; quân Nguyên địch không nổi, phải bỏ chạy. Toa Đô bị Trần nhật Duật chém chết ở Tây-kết. Ô-mã-Nhi phải bỏ thành Thăng long, chạy trốn. Ngũ Lão cùng Quang khải tiến quân, thu phục được thành Thăng long.

Đến năm Đinh hợi (1287), Thoát Hoan lại đem quân sang lấn. Hưng đạo vương sai Ngũ-Lão cùng chư tướng hãn ngữ các quan ải. Quân Ngũ-Lão đóng ở đất Nội-bằng, đánh đuổi và chém được tướng A-bát-Xích ở trận tiền. Thoát-Hoan trốn thoát về Tàu.

Vua Nhân-tôn định công đánh được giặc Tàu, gia phong Ngũ-Lão coi-quản Hữu-vệ Thánh-dực quân. Năm ấy, Ngũ-Lão mới 36 tuổi.

Năm Giáp-ngọ niên hiệu Anh-tôn thứ 2 (1295), đức Thượng-hoàng ngự giá thân chinh Ai-lao. Trung-thành vương làm tiên phong, bị giặc vây. Ngũ Lão dẫn quân đến đánh tập hậu, giải được vây, đánh vỡ quân giặc.

Năm Đinh dậu, niên hiệu Anh tôn thứ 5 (1298), Ai-lao sang xâm miền Long giang. Ngũ Lão đánh nhau với giặc, lấy lại được nguyên bờ cõi.

Năm Tân-sửu (1302), quân Ai-lao lại đem hơn một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ-Lão cầm quân đi đánh. Ngũ-Lão sai dân chặt tre đực, chồng chất ở các vệ đường, khi Ngũ-Lão kéo quân vào đánh, giặc thúc voi sắn lên. Ngũ-Lão chân tay không, xông vào, gặp đống tre nào thì vớ lấy tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên, chạy về, giẫy séo cả vào quân Ai-lao làm cho chết hại rất nhiều. Ngũ-Lão thúc quân đánh tràn sang; quân Ai-lao tan vỡ, phải trốn về đêm. Bao nhiêu đất giặc lấn được đều lấy lại được cả.

Năm Nhâm-dần (1303), nghịch-thần là Biếm nổi loạn. Ngũ-Lão dẹp yên.

Năm Mậu-ngọ, niên-hiệu Minh-tôn thứ 5 (1319) nước ta đánh nhau với nước Chiêm-thành, Hiến-túc hầu là Lý-tất-Kiến tử-trận. Ngũ-Lão đem quân đánh hậu tập, giặc thua và bị bắt rất nhiều.

Vì có những công to như thế, nên Ngũ-Lão được thăng chức Điện-tiền thượng-tướng-quân.

Tháng 11 năm Canh-thân (1321), Ngũ-Lão lên chức Điện-súy thượng-tướng-quân, quan-nội hầu. Mất, thọ 66 tuổi. Vua lấy làm thương xót, bãi triều 5 hôm để tỏ lòng ai-điếu và phong Phạm-Ngũ-Lão làm Thượng-đẳng Phúc thần.

Dân làng Phù-ủng lập miếu thờ ngay chỗ nhà cũ của Phạm-ngũ-Lão, có hai pho tượng phỗng quỳ hai bên hương-án, ghi công Ngũ-Lão bình được nước Chiêm-thành.

Ngũ-Lão đã giỏi nghề võ, lại hay nghề văn. Tính hay xem sách, ngâm thơ, thường ngâm thơ thuật-hoài sau này:

Hoành sóc giang-sơn, cáp kỷ thu,
Tam quân tì hổ, khí thôn Ngưu.
Nam-nhi vị liễu công-danh trái,
Tu thính nhân-gian thuyết Vũ hầu.

Dịch:

Vẫy giáo non sông, trải mấy thâu,
Ba quân khí-thế nuốt sao Ngâu.
Công-danh nợ ấy, còn chưa sạch,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ-hầu.

NHẬT-NHAM

Quân kỵ-mã Mông cổ trông rất hùng-dũng, thế mà đã đại bại dưới bóng cờ các danh tướng đời Trần.

Sử Tàu đối với HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

TRONG bộ *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (quyển 7, trang 35 b) có một đoạn nói : « Xét kỹ quân của Toa-đô, sử cũ chép đi tự Vân-nam, qua Lão-qua đến Chiêm-thành : đường ấy xa-xôi hiểm-trở, không phải là đường quân đi. Tra sử nhà Nguyên, truyện Toa-đô chép đi đường bể, nay theo đấy ».

Đọc một đoạn như thế, ai chẳng bảo nhà sử-thần đã tham khảo cả sử ta với sử tàu ? Nhưng xét chuyện « nhà Trần với nhà Nguyên », có nhiều việc sử ta chưa từng chép đến, chỉ thấy chép trong sử tàu mà thôi. Cho nên cần phải sưu-tập, thì mới có đủ tài-liệu mà phê-phán.

Quyển *Nguyên-sử* (q. 209 t. 4 b) và quyển *Nguyên-sử tân-biên* (q. 95, t. 30 a) chép những đoạn sau này về chiến-công của đức Trần-Hưng-đạo :

« Tổng-bả là A-Lý dụ Trần Nhật-Huyến : « Có dấy quân, thực vì Chiêm-thành, chẳng phải vì An-nam ». Đến địa-phận huyện Cấp-bảo, quân quan Nguyễn-Lộc đóng đồn ở châu Thất-nguyên. Lại ở Vạn-*kiếp cũng có quân Hưng-đạo-vương. A-Lý không thể tiến.*

« Tòa hành-sảnh Hồ-quảng sai Nghệ-Nhuận đi thăm hư thực, châm-chước đem quân, song không được giết cướp dân. Chưa được bao lâu lũ Sắc-đặc-nhĩ-đại, Lý Bang-Hiến, Tôn-Hựu nói đến cửa ải Khả-ly gặp quân Giao-châu chống địch. Tôn-Hựu đánh, bắt được quân ở quản An-nam là Đỗ-Vỹ, Đỗ-Hựu, mới biết Hưng-đạo-vương quả lĩnh quân đón địch.

« Quan quân đi qua ải Khả-ly đến ải Động-bảo, lại gặp quân ấy cùng đánh nhau thua. Thủ-tướng là Tần-Sầm bị thương chết.

« Nghe Hưng-đạo vương ở ải Nội-bàng, tiến quân đến thôn Biền-chụ, dụ thu quân dọn đường đón Trấn-nam vương, nhưng Hưng-đạo vương không theo. Đến ải Nội-bàng đem lệnh-chỉ sai người vời, cũng không theo.

« Quan quân bèn chia sáu đạo tiến đánh, bắt được tướng là Đoàn-Thai. Hưng-đạo vương đi trốn ; đuổi theo đến Vạn-kiếp, đánh mọi cửa ải, đều phá tan.

« Hưng-đạo vương còn có thuyền quân hơn nghìn chiếc, cách Vạn-kiếp mười dặm, bèn sai quan quân ở diên-giang tìm thuyền và ván, gỗ, đanh, than, đặt trường chế-tạo, tuyển thủy-quân khỏe. Sai bộ-lĩnh là Ô-mã-lạp-ba-đồ, thường cùng đánh nhau, đều thua, nhặt được ở bờ sông bỏ sót hai tờ giấy chữ là thư của Trần Nhật-Huyến đưa cho Trấn-nam vương và Bình-chương ở tòa hành-sảnh. Trong nói : « Chiếu trước rằng : « *Biệt sắc ngã quân bất nhập nhĩ cảnh* » (nghĩa là sắc riêng quân ta không vào cõi mày). Nay lấy Chiêm-thành đã thần phục, lại làm phản, cho nên nhân đem đại-quân qua nước tôi tàn-hại trăm họ, đó là Thái-tử làm trái nhầm, không phải nước tôi trái nhầm. Mong chờ ngoài chiếu trước, kéo đại quân về. Nước tôi sẽ sắm-sửa cống-vật đem hiến, khác trước » (nghĩa là hậu hơn trước).

« Tòa hành-sảnh gửi thư trái với lời yêu-cầu : « Triều-đình đem quân đánh Chiêm-thành, thường đưa tờ cùng Thế tử, sai mở đường, dự bị lương-thực ; không ngờ trái mệnh Triều lại sai lũ Hưng-đạo vương để binh đón địch, bắn hại quân ta cùng người An-nam : làm nên vạ đó là tại nước mày. Nay đại-quân qua nước mày đánh Chiêm-thành, bèn dâng mệnh Thế-tử nên nghĩ kỹ ; nước mày qui-phụ đã lâu, mày nên thể-tất. Đức Hoàng-đế rộng rãi thương-sót. Lập-tức sai lui quân, mở đường, an-dụ bách tính, người nào việc ấy, làm ăn ; quân ta đi qua, không được quấy-nhiễu mảy-may. Thế-tử nên ra đón Trấn-nam vương, cùng bàn việc quân, không thế thì đại-quân đóng ở An-nam khai phủ ».

« Nhân sai sứ là Nguyễn-văn Hàn thông đạt, kịp quan quân bắt được người, bèn nói là Trần-Nhật-Huyến đem Thánh-dực mọi quân, thuyền hơn

nghìn chiếc, giúp Hưng-đạo vương chống-cự đánh nhau. Trần-nam vương bèn cùng quan ở tòa hành-sảnh, thân tới bờ đằng đông, sai quân đi đánh, giết hại rất nhiều, cướp được hơn hai mươi chiếc thuyền.

«Hưng-đạo vương thua chạy. Quan quân buộc bè làm cầu để đi qua bắc ngang sông Phú-lương. Trần-Nhật-Huyến ở ven sông, đem binh thuyền ra lập trại bằng gỗ, thấy quan quân đến bờ, tức bắn súng, đánh nhau. Đến chiều lại sai Nguyễn Phụng-ngự đưa thư cho Trấn nam vương và hành-sảnh quan, xin lùi đại quân cho một chút. Hành-sảnh quan lại đưa tờ trách, bèn lại tiến binh.

« Trần-Nhật-Huyến bỏ thành trốn đi, nhưng sai Nguyễn-Hiệu-Nhuệ đem thư tạ tội, biếu phương vật và xin bãi binh.

« Tòa hành-sảnh lại đưa thư chiêu dụ, bèn đem quân qua sông, đóng ở mé dưới thành An-nam. Sáng hôm sau Trấn nam vương vào nước, cung-thất hết không, duy để những tờ chiếu, tờ sắc và những tờ điệp ở tòa Trung-thư, còn hết thảy hủy mạt. Ngoài đó còn có giấy má, đều là tờ báo tin tức quan quân của tướng ở biên-thùy bên nam bên bắc, và sự-tình chống địch.

« Lại ở mỗi chỗ treo bảng rằng : « *Phàm quốc nội quận huyện, dả hữu ngoại khấu chi, đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ẩn sơn trạch đào thoán, bất đắc nghênh hàng* » (nghĩa là : phàm quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoại đến, nên liều chết đánh, hoặc sức không địch được, cho trốn tránh vào rừng, không được đón hàng).

Hưng-đạo vương và Phạm Điện-tiền (Phạm-ngũ-Lão) lĩnh binh thuyền lại họp ở Vạn-kiếp. Nguyễn-Lộc đóng ở Tây lộ. Tòa hành-sảnh ở Vĩnh-bình sửa sang để dự-bị đuổi theo đánh úp. Đường Cổ-Đặc cùng quân của lũ Sách-Đa từ Chiêm thành đến, hội họp với đại-quân vào trong cõi, nhớn nhỏ bảy trận đánh nhau, lấy mất đất hơn hai nghìn dặm.

« Chương-hiến hầu, Nghĩa-quốc hầu đều bị Hưng-đạo vương cướp. Chương-hiến hầu chết, Nghĩa-quốc hầu được thoát thân trở về.

« Quan quân trong quận họp mọi tướng bàn : « Người Giao-chỉ chống địch, quan quân tuy thường thua tan, song hằng lấy thêm để thay những quan quân khốn-phạp. Mông-Cổ quân mã cũng không thể thi tài gì ». Bèn bỏ kinh-thành, qua sông về bắc-ngạn, quyết bàn lui quân, đóng đồn ở châu Tư-minh... »

Sử nhà Nguyên chép chiến công của Hưng-đạo như thế, xét ra không lấy gì làm rõ ràng cho lắm. Song cũng nên đem ra so sánh với sử ta. Vả lại sử tàu còn chép những tên người, tên đất, tờ tấu, tờ điệp, mà sử ta chưa hề chép bao giờ. Vậy muốn khảo cho tinh tường, kê rõ các tên đất, tên người, vẽ những bản đồ về những trận Hàm-tử, trận Chương-dương, trận Tây-kết, trận Vạn-kiếp, trận Vân-đồn, trận Bạch-đằng, cần phải sưu tập các sách tàu chép vào khoảng thế-kỷ thứ mười ba và thứ mười bốn, tức là về đời nhà Nguyên và nhà Minh.

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Hưng-đạo vương đã đem quân đi trên cành cây qua một khu rừng

MỚI đọc qua mấy dòng đầu-đề trên này, ta vội tưởng đó là một câu chuyện hoang đường do kẻ hiếu sự phụ họa mà đặt ra. Vả, trong truyện về Hưng-đạo-Vương có đoạn nói đến thanh thần kiếm và việc giết yêu tặc Nguyễn bá Linh (Phạm Nhan) nên ta lại càng có thể ngờ lắm lắm.

Nhưng chính là sự thật, vì lấy lẽ mà suy ra thì khoảng đời ấy việc khai thác chưa có gì cho nên mạn thượng du còn hoang vu lắm. Hưng đạo Vương đem binh đuổi quân Thoát Hoan đến Chi lăng, có lẽ vì đường cùng nên quân Nguyên chạy liều lĩnh không ra đường lối nào cả. Bấy giờ gặp quãng rừng rậm rạp, cây cối đồ ngổn ngang, cành lá chằng chịt, binh đức Hưng-Đạo cứ cố liều đi lên để tiến chăng?

Bởi vậy đời sau mới có câu chuyện binh đức Hưng-Đạo đã đi trên cành cây để đánh giặc Nguyên.

Câu chuyện này ở ngay sử Tầu cũng có : Trương Lương theo Lưu Bang (Hán cao Tổ) vào đánh giẹp Ba Thục, đường rừng hiểm hóc, Lương bèn bàn bắc một con đường bằng cành cây để vào Thục. Chữ nho gọi là Sạn đạo. Khi vào được đất Thục, lại sai đốt đi.

Hưng đạo Vương là bậc cái thế anh hùng, ngài đã đánh đắm bao nhiêu chiến thuyền của quân Nguyên vì cái mưu cắm kè ở sông Bạch đằng ; hẳn ngài cũng có thể nghĩ ra được lối bắc cành cây để làm đường cầu đi qua rừng. Ta cũng không nên cho là chuyện bịa.

KHÁI-SINH

Về số đặc-san này, nhiều bạn hưởng-ứng, gửi cho bài. Chúng tôi rất cảm-động trước thịnh-tình ấy. Nhưng tiếc vì không đủ chỗ đăng cả vào một kỳ này, vậy xin sẽ lần lượt đăng dần vào các số tới. Xin các bạn lượng thứ. Cảm tạ. T.T.

Một áng di-văn — Một nhân-cách — Một thời-kỳ lịch-sử

(Phân-tích bài hịch Hưng-đạo Vương dụ gia-tướng) (1)

của ĐẶNG THAI MAI

HỊCH là một bài văn hùng biện bao hàm một ý nghĩa chính-trị. Đem một vấn-đề xã-hội hiện-thời, giải-thích cho một phái người rõ, để khuyến khích họ đi tới con đường tác giả đã nhắm sẵn : ấy là mục-đích văn hịch. Vậy nên một bài hịch là một áng sử-liệu... Và ta có thể theo đấy mà nhận lấy một ít tia hồi quang về nhân-vật và xã-hội đương thời.

Về tâm-lý cá-nhân của tác-giả và trạng-thái xã-hội nước ta trong sơ-kỳ nhà Trần, bài hịch Trần hưng-Đạo cho các tướng-sĩ có thể cung-cấp cho ta những sự nhận thức gì?

Trong trí-não những ai đã đọc qua mấy trương lịch-sử oanh liệt đời Trần, thời Hưng-đạo-Vương Trần-quốc-Tuấn là một vị hoàng-thân, một ông đại-tướng đã hai lần dẹp giặc cứu nước. Giữa lúc thế giặc lấy-lừng, quân ta ở vào tình thế nguy ngập, miếu xã cơ hồ tan, non nước cơ hồ mất, mà một câu nói khẳng-khái đã giữ vững tinh thần kháng địch của triều đình, kích-thích được lòng chiến đấu của quân lính, tất phải có một tấm lòng tự tin rất bền chặt, có những năng lực hơn người mới làm nên việc. *« Xin chém đầu tôi trước rồi sẽ hàng ! »* lời nói kiên quyết ấy, tưởng có thể so sánh với những lời các danh tướng cổ, kim, đông, tây mà không thẹn tí nào!

Nhân cách vĩ-đại của Trần phải chăng chỉ là một sự ngẫu-nhiên vẻ vang của một gia-tộc mà thôi ? Ta có thể nói rằng : trong lịch-sử của một dân tộc, những hồi nguy biến đều là những hồi nảy nhiều anh hùng hào kiệt. Nói cho hết lẽ : trong lịch-sử kháng chiến để sinh-tồn của dân-tộc ta lúc bấy giờ, nếu không có một ông Quốc-Tuấn họ Trần thời sẽ có một Quốc-Tuấn họ khác. Anh hùng, nghĩa là một nhân vật của lịch-sử mà lịch-sử đào-tạo ra.

Giữa quãng đời vinh-hoa, phú-quý của một vị hoàng thân, một ngày kia, Hưng-đạo-Vương đã mục kích những điều đau đớn cho một ông hoàng-thân trong xã hội phong kiến, nhục nhã cho non nước triều đình : Những điều « quốc sỉ » ấy Hưng đạo Vương đã kể rõ trong bài hịch :

« ...Huống chi ta cùng các ngươi « sinh ở đời nhiễu-nhương, gặp phải « buổi gian nan nầy, trông thấy « những ngụy-sứ đi lại rầm rập ngoài « đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ « mắng triều đình, đem thân dê chó « mà bắt nạt tể-phụ, lại cậy thế Hốt « tất Liệt mà đòi ngọc lụa, ỷ thế Vân « nam vương để vét bạc vàng ; của « kho có hạn, lòng tham không cùng, « khác nào như đem thịt mà nuôi hổ « đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau !»

Những tâm hồn thượng lưu, xứng đáng với hai chữ ấy, xưa nay vẫn giầu tình cảm. Nên chi đối với những nỗi nhục khổ của đồng bào bao giờ họ cũng bị xúc động một cách đau đớn, sâu xa, mạnh mẽ hơn ai hết. Vậy trong lúc Trần tuyên bố cùng gia thần :

« Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm « thì quên ngủ, ruột đau như cắt, « nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức « rằng chưa được sả thịt, lột da của « quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài « nội cỏ, xác này gói trong da ngựa « thì cũng đành lòng !»

Đấy không phải chỉ để viết một câu văn cho kêu, mà chính là những lời nói đau đớn chứa chan những huyết lệ của châu thành, và bao hàm một ý định kiên quyết mà sự nguy ngập không thể lay truyền được !

Tuy vậy, căm hờn có thể chỉ là một câu chuyện tiểu khí trong một thì và vô bổ cho đại cục, nếu sau sự hờn giận, sau ý muốn của mình không có những thủ thể cho thích đáng.....

Sẵn một mối cảm tình chan chứa, những ý định rõ ràng, Hưng-đạo không phải chỉ là một người võ biền, chỉ biết « nghề gươm mộc giáo khiên » mà ít học vấn, kém tài lược ! Binh thư, binh pháp, sử, sách, đối với Trần, không phải là những câu mơ hồ « chữ được chữ mất ». Đọc truyện ký, Trần đã ngấm nghĩ được những gương trung nghĩa ngày xưa. Nghiên cứu Tôn, Ngô, Trần đã lĩnh hội được phương pháp thực hành trong sự hành binh, để dậy dỗ quân tướng và chờ ngày động dụng . . .

Nhân phẩm của Trần Hưng đạo là thế: một nhà quý phái, giầu cảm tình cao thượng, bị thời cơ xúc động, rồi đem hết tâm lực, trí não mà phụng sự một tín điều : dẹp giặc, cứu nước ! Hai chữ *« sát Thát »* khét rẹt những ý tưởng báo thù, mà quân lính đời Trần đã khắc vào cánh tay, phải chăng chỉ là biểu hiệu tỏ ra sự thực của một tâm hồn vĩ đại trong lịch sử mà thôi ? . . . .

Bài hịch cũng là một bài văn dẫn giảng, vậy nên lời lẽ văn phải thích hợp với trình độ những người đọc. Đọc bài hịch Trần Hưng-đạo, ta cũng có thể ghi lấy những điều nhận thức về chế độ xã hội của nước mình trong thế kỷ thứ XIII...

Có lẽ ta nên tự hỏi rằng : sao bài hịch này không viết bằng chữ nôm, lại viết bằng chữ nho ? Giả lời câu này, tưởng chỉ cần nhắc lại rằng : tiếng nói một dân-tộc muốn phát biểu được những ý-kiến trừu-tượng, tất phải đợi cho dân-tộc ấy đi đến một trình-độ văn-hóa khá cao. Tuy nói rằng lúc có ý-tưởng ở trong óc thời tự-nhiên phải có danh-từ để mà phu-diễn ý-tưởng ấy, nhưng tiếng nói không phải là một phẩm-liệu do một vài người có « đặc quyền » chế tạo ra được [illegible] phẩm của một xã-hội thì tất nhiên sự phát-triển của nó cũng phải tùy

(1) Xem ngu-ấn văn : trong bộ Hoàng vi văn tuyển. — Tủ sách Bửu-Tồn-Am quyển VII. Trương 2-4

Bài dịch của ông Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược (1928). Quyển thượng trang 171-179

ở trình-độ phổ-thông của dân-tộc...

Một điều ta nên chú-ý hơn là trong thế-kỷ thứ XIII, hán-học ở nước ta đã được truyền bá ra trong một phạm-vi khá rộng. Chứng-cớ : các quan võ hạ-cấp cũng đã đọc nổi một bài hịch bằng chữ hán.

Nhưng đọc chữ hán là một chuyện, mà hiểu văn hóa nước Tàu lại là một chuyện khác. Học-lực các ông tỳ-tướng « đức Thánh Trần » bấy giờ là thế nào ? Ngay đoạn đầu bài hịch, sau lúc đã kể cho các gia-tướng nghe những thí dụ hiển-hách về sử Hán, sử Đường, về hồi Xuân-thu, Chiến-quốc, Hưng-đạo vương nói thêm rằng :

« Nay các ngươi vốn giòng vũ-« tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe « những chuyện cổ-tích ấy, nửa tin « nửa ngờ, ta không nói làm gì nữa, « ta hãy đem chuyện đời Tống, « Nguyên mới rồi mà nói...»

Hưng-đạo-vương đánh giá học-lực gia-tướng có phần khinh rẻ ! Nhưng sự thực là thế : Trong hàng gia-tướng họ Trần hồi bấy giờ dễ được mấy Phạm-Ngũ-Lão ! Ta cũng không nên quá yêu-sách. Kể ra một viên tỉ-tướng mà đọc đến được sử Tống, Nguyên là cũng đã khá lắm rồi. Vả lại, công-nghệ và thương-mại của Tàu, sự giao-thông của ta với các lân-bang lúc bấy giờ chưa có thể đem văn-hóa Trung quốc mà truyền-bá vào nước Nam một cách thỏa-mãn hơn nữa !

Học-lực của họ như vậy thời sự lãnh-hội của họ, đối với thời-thế, với nghĩa-vụ quân-nhân, lẽ cố nhiên cũng không khỏi những sự sai-lầm đáng tiếc.

Trong lúc quân Nguyên bốn bề đi tới, miếu-xã cơ hồ nguy, thì các ông tướng ấy sống thế nào ? Hưng-đạo-vương không hề dè-dặt lời nói, trong lúc bài-xích hạnh kiểm của tương-tá :

« Nay các ngươi trông thấy chủ « nhục mà không biết lo, trông thấy « quốc-sỉ mà không biết thẹn, thân « làm tướng phải hầu quân giặc, « mà không biết tức .. !»

Văn-thế đoạn này là lời-lẽ một bài thuyết-pháp. Đập từng chữ, dằn từng câu, Hưng-Đạo đánh mạnh vào tình-cảm tu-ố của bộ-hạ, để cho họ biết chán, biết ghét, biết khinh-bỉ cái đời hưởng-thụ và vô-ích của bọn tín-đồ chủ-nghĩa khoái-lạc.

Biết xấu-hổ là một bước đầu vào con đường nghĩa-vụ. Những hạng trung-nhân, nếu tinh-thần tấn-thủ của họ không có một mối lợi đi kèm theo, thời mỗi lúc gặp trở-lực, là bao nhiêu chí-khí hăng-hái của họ sẽ tiêu-tán rất dễ-dàng. Hai đoạn chính của bài hịch là hai bức họa tả chân cùng nhau tương-phản : Một bên là con đường trụy-lạc, nhởn nhơ những thú ăn chơi, nó sẽ dẫn người quân nhân đi tới sự bại trận với bao nhiêu sự đắng cay thiệt thòi ; danh dự đã tan tành thì lợi lộc cũng tha hồ mặc cho ai giày-xéo ! Nhưng trái lại, nếu như ai nấy biết tu tỉnh, gắng gỏi mà tập rèn can đảm, mà tác chiến, thì sẽ có thể bảo-toàn danh giá, tính mệnh và quyền lợi của mình. Nghĩa là nói : Vì vinh dự của một người quân nhân, thế phải quyết chiến, mà đứng về mặt quyền lợi của mình lại càng phải quyết chiến.

« ... Nếu có giặc đến, thì... chẳng « những là thái ấp của ta không còn, « mà bổng lộc của các ngươi cũng « hết, chẳng những là gia quyến « của ta bị buồi, mà vợ con của các « ngươi cũng ngay, chẳng những là « ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm « về sau, tiếng xấu hãy còn mãi mãi, « mà gia thanh của các ngươi cũng « chẳng khỏi mang tiếng nhục. Hễn « lúc bấy giờ các ngươi dẫu muốn « vui-vẻ, phỏng có được hay không ?

« Nay ta bảo thật các ngươi nên « cẩn-thận như nơi củi lửa, nên giữ « gìn như kẻ hấp canh, dạy bảo quân-« sĩ, luyện-tập cung tên, khiến cho « người nào cũng có sức khỏe như « Bàng Mông và Hậu-Nghệ, thì mới « có thể dẹp tan được quân giặc, mà « lập nên được công danh. Chẳng « những là thái ấp của ta được vững-« bền, mà các ngươi cũng đều được « hưởng bổng-lộc : chẳng những là « gia-quyến của ta được yên-ổn, mà « các ngươi cũng đều được vui vợ « con ; chẳng những là tiền nhân ta « được vẻ-vang mà các ngươi cũng « được phụng thờ tổ phụ, trăm năm « vinh-hiển; chẳng những là một mình « ta sung-sướng, mà các ngươi cũng « được lưu truyền sử sách, nghìn « đời thơm tho. Đến bấy giờ các « ngươi dẫu không vui-vẻ, cũng tức « khắc được vui-vẻ ! »

Nói tóm lại : lời văn bài hịch này là lời răn-rỏi của một ông hoàng-thân răn đe gia thần. Mục-đích bài hịch là kích-thích mối cảm-tình tu ố của quân-nhân, chỉ bảo cho họ hiểu rõ con đường đi có lợi cho họ. Nếu như lời nói có vẻ cao đạo lập trường có phần thiển cận, điều ấy chả có gì là lạ. Địa-vị nhân-cách của người nói, học-thức và nhân-sinh quan của những người nghe, đủ làm cho ta hiểu rõ nội-dung một bài văn tuyên-truyền, trong xã-hội quân-chủ tập-quyền ở nước ta về thế kỷ thứ 13. ĐẶNG THAI MAI

Xin hỏi tại hiệu sách Đông-Tây số 195 phố Hàng-bông, Hanoi :

1) Vị tiền	0p.25
2) Trịnh gia chính-phả	0 . 40
3) Hưng-yên địa-chí	0 . 80
4) Bắc-giang địa-chí	1 . 50
5) Gương luân-lý	0 . 15

Là những tác-phẩm rất có giá trị của ông Nhật-Nham Trịnh Như-Tấn, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ (Hanoi).

MUỐN LÀM GIÀU

MUA VÉ SỐ

ĐÔNG PHÁP

1p.00 một vé

BÀI PHÚ SÔNG BẠCH-ĐẰNG

TRƯƠNG HÁN-SIÊU *soạn (nguyên-văn bằng chữ Hán)*
NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch ra quốc-văn (a)*
DƯƠNG QUẢNG-HÀM *dẫn-giải và chú-thích*

Tiểu dẫn. — *Sông Bạch-đằng là một nhánh của sông Thái-bình phân địa-giới hai tỉnh Kiến an và Quảng-yên ngày nay và đổ ra cửa Nam-triệu Sông rộng và sâu, bởi thế tàu biển hiện nay cũng phải vào cửa Nam-triệu rồi mới do lạch Định-vũ mà chạy tới bến Hải-phòng ở trên bờ sông Cửa Cấm. Xưa kia binh thuyền của Tàu kéo sang đánh nước ta thường do sông ấy mà tiến vào trong đất, nên có nhiều trận thủy chiến đã xảy ra trên mặt sông ấy. Trong các trận đó, đáng ghi nhớ nhất là trận vua Ngô Quyền đánh phá quân Nam-Hán trong năm 938 và trận Trần-quốc-Tuấn đánh tan quân Mông-cổ trong năm 1288.*

Trương-Hán-Siêu (?—1354), một bậc danh nho đời Trần, ở cách trận Trần Nguyên giao-chiến không bao lâu, nên khi ra chơi sông Bạch-đằng, còn được trông thấy dấu vết cuộc binh đao, nhân cảm xúc mà làm ra bài phú này.

Bài phú chia làm năm phần: thoạt tiên tác giả nói về cái tính thích ngao-du sơn-thủy của mình để mở bài (vần lung), rồi tả phong cảnh sông Bạch-đằng cùng dấu vết cuộc chiến tranh khiến cho tác-giả nhớ đến các bậc anh hùng đời xưa (vần biện nguyên), kế đó tác giả nói tới việc vua Ngô phá quân Lưu và việc nhà Trần đánh giặc Nguyên và tả cuộc chiến đấu của hai bên cùng sự thất bại của quân địch (ba vần thích-thực); sau tác-giả bình-luận cuộc thắng trận, cho rằng cái kết-quả ấy chính do tài chỉ của Hưng-đạo đại-vương, chứ không phải do sự hiểm-trở của núi sông (vần nghị-luận). Đoạn, tác-giả kết lại bằng một bài ca ngợi khen công đức của vua tôi nhà Trần đã giữ vững được non sông đất nước.

Lời văn bài này, viết theo lối phú « lưu-thủy » vừa lưu-loát, vừa mạnh-mẽ, nhiều đoạn có giọng hùng-hồn cảm-khích, thật là một áng văn hay trong nền Hán-văn của ta xưa.

◆

Khách có kẻ: chèo bể bơi giăng, buồm mây giong gió. Sớm ngọn Tương (1) kia, chiều hang Vũ (2) nọ. Vùng-vẫy Giang Hồ, tiêu dao Ngô, Sở (3). Đi cho biết đây, đi cho biết đó. Chẳm Vân-mộng (4) chứa ở trong kho tư-tưởng, đã biết bao nhiêu; mà cái chí-khí tứ phương, vẫn còn hăm-hở.

Mới học thói Tử-trường (5), bốn bể ngao-du. Qua cửa Đại-than (6), sang bến Đông-triều (7); đến sông Bạch-đằng, đủng-đỉnh phiếm chu. Trăng xóa, sóng kềnh (8) muôn dặm, xanh rì rặng ác (9) một màu; nước trời lộn sắc, phong cảnh vừa thu; ngàn lau quạnh-cõi, bến lách đìu-hiu. Giáo gậy đầy sông, cốt khô đầy gò. Ngậm-ngùi đứng lặng, ngắm cuộc phù-du. Thương kẻ anh-hùng đâu vắng tá, mà đây dấu vết vẫn còn lưu!

Kìa kìa bên sông phụ-lão người đâu; lượng trong bụng ta, chừng có sở-cầu (10). Hoặc gậy chống trước, hoặc thuyền bơi sau, vái ta mà thưa rằng: Đây là chỗ chiến-địa của vua Trần bắt giặc Nguyên, và là nơi cố-châu của vua Ngô phá quân Lưu (11) đấy.

Đương khi: muôn đội thuyền bày, hai quân giáo chỉ. Gươm tuốt sáng loè, cờ bay đỏ khét! Tướng Bắc, quân Nam; đôi bên đối lũy. Đã nổi gió mà bay mây, lại kinh thiên mà động địa. Kìa Nam-Hán độ mưu sâu, nọ Hồ-Nguyên so sức khỏe. Nó bảo rằng: phen này đạp đổ cõi Nam, tưởng chừng cũng!

May sao: trời giúp quân ta, mây tan trận nó. Khác nào như quân Tào-Tháo bị vỡ ở sông Xích-bích (12) khi xưa, giặc Phù Kiên bị tan ở bến Hợp-phì (13) thủa nọ. Ấy cái nhục tày trời của họ, há những một thời; mà cái công tái-tạo (14) của ta, lưu danh thiên cổ.

Tuy vậy, từ thuở có trời có đất, vẫn có giang san. Trời đặt ra nơi hiểm-trở, người tính lấy cuộc tồn-an. Hội nào bằng hội Mạnh-tân (15), như vương sư họ Lã (16), trận nào bằng trận Duy thủy (17) như quốc-sĩ họ Hàn (18). Kìa trận Bạch-đằng này mà đại-thắng, bởi chưng Đại-vương (19) coi thế giặc nhàn. (20) Tiếng thơm còn mãi, bia miệng bao mòn. Nhớ ai sa giọt lệ, hồ mình với nước non.

Rồi vừa đi vừa hát rằng:

Sông Đằng một dải dài ghê!
Luồng to, sóng nhớn dồn về bể Đông.
Trời Nam sinh kẻ anh-hùng,
Tăm kềnh yên lặng, non sông vững vàng.

Khách lại nối mà hát rằng:

Vua Trần hai (21) vị thánh-quân,
Sông kia còn dấu tầy trần giáp binh (22);
Nghìn xưa gẫm cuộc thăng-bình,
Tại đâu đất hiểm, bởi mình đức cao.

(a) *Nam-phong tạp-chí*, quyển thứ XIV, trang 470 — 472.

Chú-thích. — (1) *Iương*: Tên con sông chảy qua tỉnh Hồ-nam rồi đổ vào hồ Động-đình.

2) *Hang Vũ* : dịch hai chữ « Vũ-huyệt »; tên một cái hang ở núi Cối-kê (ở huyện Thiệu-hưng, tỉnh Chiết-giang). Sách *Thủy-kinh chú* chép rằng : Trên núi Cối-kê, có miếu vua Vũ. Xưa vua Đại-Vũ đi tuần phía đông, mất ở Cối-kê, nhân chôn ở đấy. Phía đông trái núi có cái giếng sâu không trông thấy đáy, tức là Vũ-huyệt.

3) *Ngô, Sở :* tên hai nước chư-hầu về đời Xuân-thu, đều ở trên triền sông Dương-tử-giang : nước Ngô ở phía đông, nước Sở ở phía tây.

4) *Vân-mộng:* tên một cái chằm ở phía nam huyện An-lục tỉnh Hồ-bắc.

5) *Tử-trường* : tên hiệu của Tư-mã-Thiên, một sử-gia có tiếng ở đời Hán, từng đi du lịch nhiều nơi. Các tên sông, tên đất nói ở đoạn trên là những nơi Tử-Trường từng đến chơi cả.

6) *Đại-than* : tên xã thuộc tổng Vạn-ty, huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh.

7) *Đông-triều*: tên huyện thuộc tỉnh Hải-dương.

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

8) *Sóng kềnh*: sóng lớn như cá kềnh.

9) *Rặng ác* (ác : con quạ) : rặng núi trùng-trùng điệp-điệp trông xa như đàn quạ bay nối đuôi nhau.

10) *Sở cầu* : điều mình muốn tìm, muốn biết.

11) *Vua Ngô phá quân Lưu*: vua Ngô là Ngô Quyền; quân Lưu là quân của Hoằng-Thao, (con Lưu-Cung, vua nước Nam-Hán) sang đánh nước ta năm 938.

12) *Quân Tào-Tháo bị vỡ ở sông Xích-bích*: Tào-Tháo là vua nước Ngụy về đời Tam-quốc, đánh nhau với Lưu-Bị, vua nước Thục. Tháo bị tướng nước Ngô là Chu-Du đánh thua ở Xích-bích, tên một trái núi ở trên bờ sông Dương-tử-giang ở phía đông bắc huyện Gia-ngư tỉnh Hồ-bắc.

13) *Giặc Phù Kiên bị tan ở bên Hợp-phì* : Phù Kiên là vua nước Tiền-Tần đem quân đánh nhà Tấn, bị bọn Tạ Huyền đánh thua to ở Phì-thủy, một con sông phát-nguyên tự huyện Hợp-phì (nay thuộc đạo An-khánh, tỉnh An-huy).

14) *Tái-tạo* : gây dựng lần nữa ; ý nói đánh giặc ngoài để khôi-phục giang-san.

15) *Mạnh-tân :* tên bến ở phía nam huyện Mạnh, tỉnh Hà-nam, nay gọi là bến Hà-dương. Xưa Vũ-vương nhà Chu khi đánh vua Trụ, họp chư-hầu ở đấy.

16) *Họ Lã :* tức là Lã Thượng, hiệu là Thái-công-Vọng làm vương-sư giúp Vũ-vương đánh vua Trụ.

17) *Duy-thủy :* tên một con sông ở tỉnh Sơn-đông.

18) *Họ Hàn* : tức là Hàn Tín, một bậc danh-tướng đã có công giúp vua Hán Cao-tổ đánh Hạng Vũ. Ông đánh được tướng nước Sở là Long Thả ở Duy-thủy.

19) *Đại-vương* : tước của Trần Quốc-Tuấn. Vua nhà Trần phong cho ông là « Hưng-đạo đại-vương ».

20) *Coi thế giặc nhàn* : năm 1287, quân nhà Nguyên, lần trước bị thua, lại kéo sang lần thứ nhì để đánh báo thù, vua Trần Nhân-Tôn hỏi Trần Quốc-Tuấn dùng kế gì để chống lại quân giặc ; ông thưa : « Thế giặc năm nay nhàn », ý nói dễ đánh. Xem câu trả lời ấy, đủ biết ông đã dự-định mưu-lược để đánh thắng quân giặc, nên không lấy làm lo.

21) *Vua Trần hai vị :* tức là vua Trần Thái-Tôn (1225-1258) và vua Trần Nhân-Tôn (1278-1293).

22) *Tẩy trần giáp binh :* rửa sạch bụi áo giáp và binh-khí : ý nói thắng trận.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

SÁCH KHẢO-CỨU VỀ PHẬT-HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật-học Đoàn-trung-Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) **Chuyện Phật đời xưa** kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thú vị, *giá 1p 00*; 2·) **Du lịch xứ Phật** thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; **Pháp-giáo nhà Phật** luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p.10*; 4·) **Na-Tiên Tì kheo kinh** tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80*. Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ : M. Đoàn-Trung-Còn 143, Rue de Louvain, Saigon

Binh-chế nhà Trần

NĂM Mậu - tý, niên hiệu Trần-Hưng thứ 4 (1288), sau khi Hưng-đạo-vương Trần - quốc - Tuấn phá quân Nguyên trên sông Bạch-đằng, bắt được tướng nhà Nguyên là lũ Ô-mã-Nhi, vua Nhân-tôn cùng với quần thần mới đến Chiêu lăng của Thượng-hoàng (Thái-tôn) làm lễ báo tiếp và dâng tù binh.

Vua Nhân-tôn thấy những ngựa đá trong lăng đều có vãy bùn thì cảm tưởng như Thượng hoàng hiển linh phá giặc, mới ngẫu hứng hai câu :

Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn-hà thiên cổ điện kim âu.

(*Xã-tắc hai phen bon ngựa đá*
Giang-sơn muôn thuở vững âu vàng)

Nhà vua trong buổi thắng trận đã nghĩ đến tổ-tiên, đất nước, mà quên hẳn sự thành công lớn ấy nào phải là một việc hiển linh, phần lớn là tại lòng quân, dân, lúc ấy, đã thượng hạ nhất tâm vậy.

Thì ngay mùa đông, niên hiệu Thiệu-bảo thứ sáu (1284), vua Nhân-tôn thấy quân Nguyên giả vờ mượn đường đánh Chiêm-thành có ý dòm nom nước ta, thế giặc rất mạnh, mới họp các phụ lão tại điện Diên-hồng để hỏi kế phá giặc. Các phụ lão đều giả nhời hăng hái, quyết chiến. Lòng dân đã theo ý nhà vua vậy.

Lại đến như binh-lực lúc ấy tuy ít nhưng dũng mãnh lạ thường. Binh pháp có câu : «Quân quý hồ tinh, bất quý hồ đa». Binh nhà Trần lúc ấy đã có tổ-chức và luyện-tập ; vậy binh chế ra sao, xin phác qua ra đây để tiện việc khảo-cứu.

Vua Trần Thái-tôn (1225-1258) sau khi được thiên hạ — tuy được ngôi bằng một sự nhân duyên – đã quan tâm đến việc binh-chế.

Năm Thiên-ứng chính-bình thứ 8 (1239), tháng 3, tuyển đinh tráng ở các châu, lộ, định làm ba hạng: thượng, trung, hạ, tùy theo sức khỏe.

Năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 10 (1241) lại tuyển những người có dũng lược, võ nghệ, sung vào đội quân cấm vệ.

Đến năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 11 (1242) mới chia nước làm 12 lộ, đầu mỗi lộ đặt hai quan an-trấn, chánh phó-sứ, coi cả việc binh trong lộ.

Quân đã tại ngũ, phải đặt hiệu để phân biệt. Đến năm Thiên ứng-chính-bình thứ 15 (1246) có các quân: Tứ-thiên, Tứ - thánh, Tứ - thần ; các vệ: Thiên-trường, Long-hưng, các lộ là quân nội. Lại đặt ra Thiên-thuộc, Thiên-cương, Chương-thánh, Củng-thời.

Hai lộ Hồng-châu, Khoái-lộ gọi là tả-hữu Thánh-dực quân, Trường-an và Kiến-xương làm Thánh-dực, Thần sách quân, còn thì sung vào cấm vệ, cấm quân và các đoàn đội.

Qua đời Thánh - tôn (1258-1278), niên hiệu Thiệu-long thứ 4 (1261), theo phép cũ, lại tuyển tráng đinh ở các lộ, châu, huyện làm lính.

Đến tháng ba, năm Thiệu-long thứ 5 (1262), muốn rõ binh lực trong nước, nhà vua truyền thao-diễn thủy bộ chư-quân và chiến thuyền ở sông Bạch-hạc (Vĩnh-yên bây giờ).

Rồi đến năm Thiệu-long thứ 10 (1267), ấn-định số quân như sau đây :

Mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người lính.

Hai đời trước tuy việc quân đã xếp đặt có trật-tự, đến đời vua Nhân-Tôn (1279-1293), vì thấy thế-lực Mông - Cổ ngày một mạnh, nên sau khi lên ngôi, năm Thiệu-bảo thứ hai (1280), tháng hai, nhà vua xuống chỉ truyền xét hết cả số dân đinh trong nước để biết số tráng đinh bao nhiêu phòng lúc động binh.

Muốn cho quân dân ở hạt Thiên-trường (là ấp thang-mộc nhà Trần) nhập-ngũ có luyện-tập, nhà vua mới lập ra Thiên-trường phủ học vào năm Thiệu-Bảo thứ 3 (1281), đầu tháng giêng : trường võ-bị này chuyên dạy văn-nghệ, vũ-lược, kén lấy quân thân thuộc, để sau này sung vào đội quân Thiên-thuộc của nhà vua.

Năm Thiệu-Bảo thứ 6 (1284) và Trùng Hưng năm đầu (1285), việc biên-giới càng khó khăn, quân Nguyên rất khiêu-khích nhất định tràn sang nước ta, nhà vua mới truyền cho các vương-hầu mộ thêm dũng-sĩ, binh tráng làm quân gia thuộc.

Muốn biết sức quân thế nào, mùa thu, tháng tám năm ấy (Thiệu Bảo thứ 6), nhà vua lại thân ra duyệt quân. Sai

Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn điều khiển các vương-hầu cùng bản-bộ hợp binh ở Đông-bộ-đầu và phân đồn đóng ở bến Bình-than cùng các nơi sung yếu.

Tháng chạp năm ấy, nhà vua lại ngự xa-giá ra Hải-đông (tức là Hải-dương bây giờ), sai Hưng-Đạo-Vương làm Tiết-chế, đại hội tất cả quân trong nước ở Vạn-kiếp.

Ngày duyệt quân ấy đều bắt các quân ở Hải-đông, Vân-trà, Ba-điểm đến hội làm Tiên-phong. Lại khiến Hưng-Võ-Vương, Hưng-Nhượng-Vương, Hưng-Trí-Vương (ba vị vương này đều là con Hưng-Đạo-Vương) đốc suất các bộ quân ở Bằng-hà, Bang-ngạn, Vân-trà, An-sinh, Long nhãn các xứ, hợp với các binh của các vương hầu; binh hội đến 20 vạn người.

Dưới tướng Hưng-đạo-Vương lúc ấy có các danh-tướng như: Trần-Quang-Khải, Trần-Khánh-Dư, Trần-Nhật Duật, lại thêm những gia-tướng như Phạm-Ngũ-Lão, Yết-Kiêu, Dã-Tượng v. v. Tướng sĩ dũng mãnh lạ thường.

Binh đóng liền liếp một giải Vạn-kiếp, thuyền chiến sau sát trên bến Lục-đầu, cờ sí trang nghiêm, qua mâu sáng ngời, thật là một đội quân sẵn sàng ra trận.

Xét ra trong năm Thiệu-Bảo thứ sáu (1284) và Trùng Hưng năm đầu (1285) điều-bát quân-sĩ nhiều đến thế là vì nhân thời hữu sự nên phải phát thẻ tre cho dân đinh trả g, theo số mà gọi tên nhập-ngũ, cách xếp đặt này tương-tự như việc tuyển lính ngày nay.

Buổi hội binh ở Vạn-kiếp tuy thế cũng chưa đủ, vì các vương-hầu chỉ điều-khiển các quân-đội ở mấy lộ miền Đông-nam mà thôi, còn từ Thanh-hóa trở vào trong chưa mộ đến, cho nên vua Nhân-Tôn có thơ rằng:

Cối kê cựu sự quân tu ký
Hoan Điễn do tôn thập vạn binh
(Cối kê truyện cũ xin ghi nhớ,
Hoan Điễn còn dư chục vạn quân)

Quân lực hồi ấy rất sung túc, lúc vô sự cho về điền-dã; khi có việc nhập ngũ làm lính. Nhà nước không phải cấp lương ăn lúc thái-bình.

Đến đời Anh-Tôn (1293-1314), niên hiệu Hưng-long thứ năm (1297) định lại phép quân, bắt thích ba chữ lên trán như: Thượng chân đô, Thủy-dạ xoa, Tòa kim cương; Phàm binh lính đều có thích chữ ở trán, thích hình rồng ở lưng và ở đùi (trong thời giao-chiến với quân Nguyên, có thích ở cánh tay hai chữ «sát Thát», vì quân Mông-cổ rất tàn-ác nên quân ta thề giết cho chết).

Năm Hưng-Long thứ 21 (1313) lại duyệt định võ-quân, đổi Võ-Tiệp-quân ra Thiết-ngạch-quân.

Đời Minh-Tôn (1314-1329), niên hiệu Đại-Khánh năm đầu (1314), đổi Phù-liễn đô ra làm Long-nha-tướng và Phù-liễn quân ra làm Khấu-mã-quân.

Đời vua Dụ-tôn (1341-1369), vì trong nước nhiều giặc cướp nhà vua mới cho đặt ở các lộ mỗi lộ 20 đô để tróc nã những quân gian phi. (Thiệu-phong thứ tư: 1344).

Đến năm Thiệu-phong thứ 9 (1949) lại lo việc phòng ngữ ở ngoài bể, đặt ra Vân-đồn trấn và quân Bình-hải để đi thú trấn các đồn ở bờ bể.

Đời Dực-tôn (1373-1377), năm Long-khánh thứ 2 (1374), lại đặt ra các đội Uy-tiệp, Võ-tiệp, Long-dực, Thần-dực, Diện-hậu, Long-tiệp, Tả-ban, Hữu-ban.

Các hạt Thiên trường, Giang bắc (Bắc ninh bây giờ), Thanh hóa, Nghệ an, Hòa châu, Thuận châu, Lâm bình (?) mỗi xứ có một quân hiệu riêng và có Trưởng, phó đại đội làm tướng-hiệu.

Đến đời Đế Hiện (1377-1388), năm Xương Phù thứ 2 (1373) lại thêm vào các quân Thần Dực, Thiên Uy, Thành Dực; hai ngạch Thị vệ: Thiên trường, Thần võ. Các quân này đều lấy các vệ sĩ sung vào và đặt ra quân Thiết sang, Thiết giáp, mỗi quân có người quản quân, lấy ở hàng võ tướng mà bổ vào.

Xét binh chế nhà Trần tổ chức rất hoàn bị. Nhà Trần đã theo lối «ngụ binh ư nông» (1). Khi có việc động binh thì suốt nhân dân ai ai cũng là

TIÊN-ĐÀM

Coi tiếp trang 26

(1) Lối này giống như cách tổ chức quân đội La-mã cách đây 2000 năm, (sử gia pháp gọi là «soldats laboureurs). Về quân làm ruộng ấy, sử gia chép:

Lính không đóng ở trại và không tựa ngũ, khi nào nhà nước động binh thì họ họp lại từng đoàn (gentes), nghĩa là từng nhà một, tự sắm lấy quân khí, người giàu sắm cả ngựa cưỡi. Ăn uống tự mình liệu lấy và không lấy lương của nhà nước. Có việc chinh chiến thì tạm bỏ vườn ruộng đi đánh giặc. Khi nào tan giặc lại, về làm ruộng như trước.

(Theo Albert Malet, L'antiquité — Hachette 1919).

HỘI - NGHỊ DIÊN-HỒNG

NGUYỄN HUY TƯỞNG

XEM quốc-sử, những thiên oanh liệt, những khúc bi-ca không thiếu gì. Nhiều khi đọc, ta thấy phấn khởi nức lòng, nhiều khi ta thương tâm thổn thức, nhiều khi ta mắm lợi, nghiến răng. Nhưng ít khi có những sự lạ, đặc biệt, xuất ư ý ngoại, khiến cho ta mang-nhiên như đứng trước một vật ở phương xa đưa lại, ngoài khuôn sáo ngày thường. Những chiến-công hiển-hách như Bạch-đằng, Đống-đa, thủ đoạn phi thường của Trưng - Vương, cuộc khởi-nghĩa của Lê-thái-Tổ, sự thất bại của Giản-Định, Trùng-Quang, vẫn là những trang bất hủ. Tuy vậy, trong tuồng thiên diễn ở doanh hoàn, những việc đó, vẻ vang thực, bi tráng thực, nhưng đời nào chẳng có, mà nước nào chẳng có ? Trận Bạch-đằng, Đống-đa so với những chiến-thắng của Nã-phá-Luân hay của Hàn-Tín cũng chưa lấy gì làm lạ, và cuộc hưng binh của chân chủ Lam-sơn ví với sự nghiệp của Chu-nguyên-Chương cũng không có gì đặc biệt hơn. Những việc khác đại để đều như thế cả. Duy trong sử Việt ta, có một đoạn dị kỳ, nó không chói lọi như vàng, kinh động như sấm, nhưng nó biệt lập như một cô-phong độc-tu. Tôi muốn nói về hội nghị bô lão ở điện Diên-Hồng vào năm Thiệu-bảo thứ sáu đời nhà Trần (1284).

Thuở ấy, Âu-châu đang chìm đắm trong chế-độ phong kiến, các nước văn minh ở Á-đông còn nép dưới chính thể quân-chủ độc-đoán. Nước ta cũng vậy. Thế mà giữa lúc tinh-thần dân-chủ chưa hề mọc mầm ở một nước này và ở nước Tàu mà nhất nhất ta lấy làm khuôn mẫu, thì vua tướng nhà Trần, đứng trước một vấn đề sinh tử, đã có cái sáng kiến lạ lùng là hỏi ý kiến quốc-dân để quyết định, chắc nghĩ rằng trong sự tồn vong của nước, dân là gốc lắt phải có trách nhiệm như những kẻ cam quyền. Tính cả, ta đã đi trước Mạnh-đức-tư-cưu hơn năm thế-kỷ.

Bấy giờ nhà Nguyên quyết ý đánh nước ta. Quân họp ở Hồ - nam, Quảng-tây, tất cả hơn 50 vạn, dưới quyền tiết-chế của Thái-tử Thoát-Hoan, sắp chia đường sang xâm lấn. Ý Nguyên-Thế-tổ là làm cỏ non sông Đại-cổ, nên mới giao cái trọng trách ấy cho con và khởi một số quân đông như thế mà chắc chắn là tính nhuệ vô cùng. Họ đưa thư sang đòi mượn đường để đánh Chiêm-thành. Các nhà cầm quyền ta ai cũng biết rằng đây là một quỉ-kế, nhưng cũng không lạ gì sức mạnh của nhà Nguyên và tài chiến-đấu của quân Mông-cổ đã vang lừng tiếng vô địch. Đâu cũng chết ma để cho họ đi qua cũng chết, Vua hội-nghị vương - hầu ở bên Bình-than. Trong cuộc họp này, ai nấy đều bị chinh phục bởi những tư tưởng trác-việt và những nhời nghị-luận xác đáng của bậc kỳ-tài là Hưng - đạo - vương và đều quả quyết chống cự với kẻ xâm lăng. Hề độ, tiên phong Hưng-đạo-vương làm Thượng-quốc-công, tiết-chế cả thủy lục chư quân và chia quân đi phòng ngự giặc.

Tuy đã quả-quyết rồi, nhưng hai vua Thánh-tôn thượng-hoàng và Nhân-tôn hoàng-đế còn do-dự. Vì so thế mình với thế giặc thực chẳng khác trứng trọi với đá. Ma đã đánh thì ít ra trong nước tiên dưới phải đồng lòng như một. Muốn độ ý dân, và nghe nhời đề-nghị của Hưng-đạo-vương, vua xuống chiếu triệu các kỳ-lão trong nước họp ở điện Diên-Hồng để trưng-cầu ý-kiến. Tin ấy truyền ra, thiên hạ đều sửng-sốt, chung ta ngày nay lại càng sửng-sốt hơn. Thực là một điều đặc-hạnh cho nhân-dân là những kẻ từ xưa đến nay vẫn bị loại ra ngoài vòng chính-trị. Vua vời vào kính bàn việc nước, kể cũng danh-giá lắm sao ! Có bao giờ thế được? Mà phải lắm, họ cũng là một phần-tử trong nước, họ cũng có trách-nhiệm về sự tồn-vong của nước. Nước là của cả mọi người, phải đâu của một họ ? Ai nấy đều cảm-khích, phấn-khởi và đều ủ trong thâm-tâm cái ý-tưởng ủng-hộ Triều-đình (tức là chính phủ) và chiến-đấu kỳ cùng cho tổ-quốc.

Trong cái xã-hội trọng lễ-phép và kính-nể người già, thì những người đại-diện cho quốc-dân tất-nhiên là những bậc bô-lão. Năm giáp-thân, mùa đông, tháng mười một, từ những xóm làng cô-lậu trong khắp cõi Lạc-hồng, các cụ hăng-hái ra đi. Con cháu và dân làng chắc đã may cho các cụ những chiếc áo đẹp, sắm cho các cụ đủ cả trầu, điếu ống, lồng ấp, v. v... Họ cử người đi hầu các cụ, và trước khi khởi-hành họ chắc đã bầy tỏ ý-kiến của họ để các cụ đạt lên chín bệ. Ý-kiến ấy là chí quả-quyết chiến-đấu, không chịu khuất-phục quân thù. Các cụ từ bốn phương đi lại, người thì còn quắc thước, người thì đã phải chống gậy tre, người thì tóc hoa râm, người thì chòm râu trắng xóa. Mặt cụ nào cũng nghiêm-trang vì trên hai vai già yếu các cụ mang một sứ-mệnh lớn-lao có quan-hệ đến sự sống còn của cả dân-tộc. Thăng-Long chưa bao giờ được tiếp nhiều những bậc lão thành, đạo-mạo như thế. Dân kẻ chợ kéo ra xem đông như kiến, nói cho đúng họ ra đón những vị đại-biểu tuổi cao của toàn-quốc. Thực là một quang-cảnh lạ-lùng có một không hai, một ngày vô-cùng long-trọng trong lịch-sử nước nhà.

Giữa khi ấy, thì Thái-tử Thoát-Hoan, thấy vua ta bác lời yêu-sách mượn đường sang đánh Chiêm-thành, bèn hùng hổ tiến quân phạm bờ cõi. Dân Việt sống trong bầu không khí nặng nề...

Các vị bô lão nghiêm trang đã được hai vua mời vào điện Diên-hồng. Sân rồng, cột tía lần đầu tiên tiếp những khách quê mùa. Vẻ bỡ

ngỡ sợ sệt của các cụ già phản ánh với những lâu đài tráng lệ ở chốn tôn nghiêm, bầy ra một cảnh tượng kỳ thú. Sử chỉ sơ lược chép rằng: « Năm Giáp thân, tháng mười hai, nghe quân Nguyên họp ở Hồ nam, Quảng tây, hẹn ngày chia đường sang đánh nước ta. Vua cho vời các kỳ lão trong nước đến họp ở thềm điện Diên hồng, ban cho ăn và hỏi ý kiến đối với quân giặc. Ai nấy đều nói « Nên đánh » như thốt cùng một miệng ».

Sự biên chép vắn-tắt hoàn-toàn đông-phương ấy, tuy không làm thỏa mãn tính tò mò muốn biết rõ ràng hơn về bữa tiệc lịch-sử này, nhưng ta cũng thấy rung động trong lòng, ta nhường trông rõ nét mặt cương quyết, sáng mắt long lanh của các đại biểu, khi các cụ trấn tĩnh cảm động, thu hết tân lực để thốt ra, trước mặt quân vương, một câu đáp vắn tắt, hùng hồn, đanh thép, nó là kết tinh của lòng hăng hái và chí chiến đấu với quân thù của cả quốc dân. Trước cái lòng nhiệt thành, quả cảm và đức tự tin của các kỳ lão, hai vua và triều-đình tắt cũng phải như ta rung động đến tận đáy lòng. Bao nhiêu do dự đều tiêu tan hết: Sau lưng tướng sĩ còn tất cả mấy triệu dân làm hậu thuẫn, mấy triệu dân quả quyết một còn, một chết và gắn chặt với nhau bằng một mối đồng tâm sắt đá.

Hai vua có thể nói với các tướng sĩ: « Các ngươi đi đi, đi mà đánh đuổi quân thù, đi mà tìm lấy cái chết vinh quang để bảo vệ đất đai, nòi giống. Nước Việt là của chung, là của các ngươi đó. Các ngươi đi đi, đi và tin rằng cùng với các ngươi, cả nước đều một lòng quyết chiến; sau các ngươi còn cả mấy triệu dân đông tâm hiệp lực, sẵn sàng chống cự đến kẻ cuối cùng. Các bậc kỳ lão là cha anh các ngươi, là những người tai mắt trong nước mà trẫm vừa triệu đến để hỏi ý-kiến đã đồng thanh xin đánh. Ý mọi người đã quyết. Ta chỉ có việc là đánh, đánh đến toàn thắng mới thôi. Không có sức mạnh nào có thể phá tan được khối đồng tâm vững như núi Thái-sơn của chúng ta được. Hỡi tướng-sĩ! các ngươi đi đi, chúng ta không mấy lúc sẽ tấu khúc khải-hoàn vì chúng ta đoàn kết ».

Hồn nước không bao giờ tỉnh như thế. Trước làn sóng hung-mạnh của rợ Mông, cả nước Việt đứng lên, thành một con đê án-ngữ để bảo vệ núi sông, tôn miếu, ruộng nương, nhà cửa, và tất cả di sản thiêng-liêng của giống nòi từ nghìn xưa để lại. Đồng thời với cuộc tiến binh của Thoát-Hoan, tiếng giả nhời của các bô lão đã vọng ra ngoài biên-ải như một nhời cảnh cáo, hơn nữa, như một nhời đe dọa.

Người ta chỉ biết ca tụng cái chiến công oanh liệt là Bạch Đằng. Nhưng không ai biết rằng trận Bạch-Đằng không lạ; mà hội nghị Diên-Hồng mới lạ, Bạch-Đằng chỉ là cái kết quả tất nhiên của cuộc hội nghị có tính cách hoàn toàn dân-chủ kia.

Đã đành rằng sở dĩ ông cha ta đã thắng giặc Nguyên một cách vẻ vang một phần lớn là nhờ ở tài dùng binh, ở cơ mưu và ở gan bền tựa sắt của đức Trần-Hưng-Đạo cùng lòng tận trung báo quốc của các tướng sĩ. Nhưng cũng mạnh vì nhời đáp của các bô lão mà vua tôi phấn khởi, chiến sĩ nức lòng, nhân tài lũ lượt kéo ra, dân gian tranh nhau giúp sức quan quan, hoặc ra ủng hộ, hoặc tiếp tế lương; riêng sự ủng hộ về tinh thần cũng đã tốt đẹp lắm rồi. Ta có cảm tưởng rằng cả nước lúc ấy tham dự chiến tranh, cả nước chỉ là một người. Dân đánh, là đánh cho họ, không phải đánh cho ai cả. Chưa bao giờ vua, triều đình và dân gian lại hòa-hợp, thân mật với nhau như thế, chưa bao giờ tinh-thần quốc gia, tinh thần chủng tộc lại mạnh như thế. Cũng vì mối đồng tâm bất khả xâm phạm ấy mà mặc dầu quốc thế nguy như trứng chồng, mặc dầu sự phản bội của vài người tôn thất, ông cha ta đã giữ vững được giang sơn, để lại cho hậu thế một cái gương nỗ lực chung và một sức hi sinh chói lọi.

Hoặc có người bao việc triệu các bô-lão là một mánh khóe chính-trị của họ Trần. Vua đã lợi-dụng các bô-lão để yên lòng dân, để khuyến-khích tướng-sĩ liều chết mà bảo-vệ ngôi báu. Có lẽ lắm, nhưng có hề chi, khi mánh khóe ấy đã gây được mối đồng-tâm và lòng quyết-chiến của cả một dân-tộc? Huống chi những bậc kinh quốc đại gia chỉ là những nhà chính trị khôn ngoan, có gì là đáng trách? Ta chỉ biết rằng vua tướng nhà Trần đã có mọi cái sáng kiến tuyệt luân, cái sáng kiến ấy đã đưa đến khúc khải hoàn ở Hàm-Tử, ở Chương-Dương, ở Tây-Kết, ở Bạch Đằng mà sử xanh còn ghi mãi về muôn đời, nó còn cho ta một bài học đáng ngẫm nghĩ là trước sự đoàn kết của một dân tộc, dù là một dân tộc yếu hèn, thì mọi cuộc xâm lăng dù khôn khéo dữ dội đến đâu cũng thành ra vô hiệu.

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Binh chế

Tiếp theo trang 24

lính cả; khi vô sự, lại lui về vườn ruộng, cầy cấy làm ăn.

Ngoài binh của nhà nước, các vương hầu có quyền mộ tráng đinh làm lính mà không bị nhà vua có điều nghi-kỵ gì. hồi kháng chiến với quân Mông cổ, những Vương Hầu đem bản bộ gia binh đi cứu quốc, hội ở Vạn kiếp dưới quyền tiết chế của Hưng đạo Vương.

Cả đến về sau, khi trong nước có việc Dương Nhật Lễ tiếm ngôi, vua Trần nghệ Tôn xuất bôn, về đóng ở Đà giang, các vương hầu cũng đem thổ hào ở thôn trang đi đón tiếp xa giá và khắc phục kinh thành,

TIÊN-ĐÀM

(chữ Tartares nghĩa là ngục ở âm-phủ) mà chúng đã vượt lên, hai là chúng ta đều phải lên Thiên đường để hưởng sự sung sướng của kẻ mà mệnh giời đã định ».

Đức giáo hoàng, vua Frédéric nước Phổ (Prusse) cũng hô-hào dân hợp sức để ngăn chống quân độc ác ấy.

Sau khi chiếm đóng xứ Hung gia Lợi, mùa đông, năm 1241, quân Mông cổ qua sông Danube và tiến về Tây, nhưng năm ấy vua Mông cổ là là A-loa-đài mất, theo luật (ở Thiết khoán của Thành-Cát-tư-Hãn) đại quân phải rút về nước để tôn vua mới, vì thế miền Trung-âu tạm yên.

Mặc dầu quân Mông Cổ lui rồi, ở Âu-châu vẫn nơm-nớp, không biết họ còn giở lại nữa không.

Sự sợ hãi ấy — theo sử gia — cách đó 700 năm vẫn còn thấy ở trong lòng dân miền Trung-âu, họ cầu kinh thường có câu : «Lay Chúa, xin phù hộ cho con thoát khỏi sự điên dại của quân dã-man Mông Cổ ».

Quân Mông Cổ kéo đi rồi, người ta mới xét thấy những thảm cảnh : hàng 100 000 người chết khi thất thủ thành Pest (Kinh đô nước Hung), ở các làng, xóm thành thị, dân cư bỏ trốn hết, ruộng đất đều hoang vu cả, cảnh tượng thật tiêu điều.

Nỗi đau khổ của dân đã thấu đến tai đức Giáo Hoàng Innocent IV.

Mùa Xuân, năm 1245, trước khi họp giáo hội ở Lyon (Concile de Lyon) ngài sai một phái bộ các giáo-sĩ đứng đầu là Jean de Piano Carpini (5) sang xứ Mông

5) Sách Les mongols et la Papauté của Pelliot, thư viện trường V. Đ. B. C. 8° 6135 (12) trang 4 lại gọi là Jean du Plan Carpin.

Quân Mông - Cổ

Tiếp theo trang 6

Cổ. Ngày 16 tháng tư, năm 1245, phái bộ khởi hành ở Lyon có mang theo một lá thơ của Giáo Hoàng (5bis). Phái bộ đi 10 tháng đến Kiev. Ngày mồng 3 tháng hai năm 1246 từ-giã tỉnh Kiev, đi vào địa hạt Mông Cổ, quan Trấn thủ Mông Cổ sai dịch quốc thư ra tiếng Mông Cổ và sai quân hộ tống đoàn sứ bộ này vào kinh đô : Piano Carpini cùng tùy hành đến kinh đô ngày 22 tháng bảy năm 1246 và phải chờ ở đấy đến ngày 13 tháng một

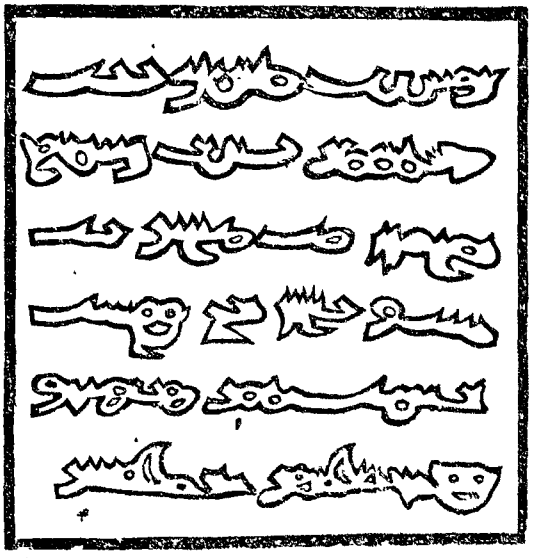

Ấn của vua Nguyên định Tôn (Qui do), Gouiouk) theo tranh vẽ một phần tư ở sách Les Mongols et la Papauté của Peillot. Ấn do nhà điêu khắc Nga Cosmas khắc. Sáu giòng chữ nghĩa là : « Theo mệnh giời, đây là lệnh của Hoàng đế các xứ Mông cổ. Những nước thần phục phải kính vâng lấy ».

năm ấy mới có thơ giả nhời, vì trong thời kỳ này ở Mông Cổ đang làm lễ đăng quang vua mới là Gouiouk (Qui-do)

Trong tập kỷ hành của Piano Carpini có câu « chúng tôi đi mãi, không biết đi đến chỗ chết hay là chỗ sống ». Và khi sứ bộ qua miền Trung-âu hãy còn

5 bis) Coi bản dịch ở quyển Les Mongols et la Papauté đã nói trên.

nhận thấy những bài cốt dân sự ngổn ngang ở cánh đồng mà quân Mông Cổ đã tàn sát (6).

Mùa đông, năm 1246, sứ bộ của Giáo Hoàng dâng quốc thư, vua Gouiouk (Qui do) có phúc đáp lại, trong thơ toàn một giọng kiêu ngạo (7) và có đóng ấn quốc bảo Mông Cổ (8).

Về sau có một vài sứ bộ nữa sang, nhưng Mông Cổ đều không tiếp ; trong thời kỳ ấy, Mông Cổ còn mải nghĩ đến việc Trung Quốc và chinh phục miền Nam châu Á.

Năm 1248 Qui-do mất, hội nghị các thân vương mới bầu một người về chi họ khác, người em con nhà chú, tên là Meun Kê (Mông Kha) (9) lên thay.

Mông Kha lên ngôi vua rồi, sai hai em là Houlagou (Hat lỗ) sang kinh lý việc nước Ba Tư (Perse) và sai Hốt-tất-Liệt (Koubilaï) (10) sang đánh nhà Tống.

Quân Mông-cổ dưới quyền Hốt-tất-Liệt có đến 100.000 người từ Ninh-hạ, kinh đô nước Tây-hạ, theo đường Tây-tạng tiến vào nước Tàu giáp địa giới tỉnh

6) Coi hành trình đăng ở sách Les Mongols et la Papauté đã nói trên.

7) Thơ này dịch ra ba thứ tiếng : La-tinh, Thổ, và Ba-tư.

8) Ấn của Nguyên Định-tôn tức là Qui-do, khắc khi mới đăng quang, do nhà điêu-khắc Nga tên là Cosmas khắc.

9) Mông-kha (Meun kê), miếu hiệu là Nguyên Hiến-tôn (1251-1259).

10) Hốt-tất-Liệt (Koubilaï) miếu hiệu là Nguyên Thế-tổ (1279-1294). Hốt-tất-Liệt là vua anh hùng và cai-trị Trung-quốc, vua đầu nhà Nguyên.

Vân-nam Quân Nam-chiếu đem binh chống, bị phá vỡ. Trong khi Mông-cổ đánh Tống thì Mông-Kha mất. Theo lệ nước, Hốt-tất-Liệt rút binh về, rồi lên ngôi, tức là Nguyên Thế-Tổ, đổi quốc hiệu là Nguyên.

Lên ngôi rồi, Hốt-tất-Liệt lại sang đánh Tống, lấy cả Trung-quốc mà nhất thống từ đấy.

Khi Mông-Kha hãy còn, Hốt-tất-Liệt có sai một đạo quân sang đánh lấy nước Đại-lý (thuộc tỉnh Vân-nam) Tướng Mông-cổ là Wouleangotai (Ngột-lương Hợp-Thai) sai sứ sang nước Nam, bảo vua Trần-thái-Tôn phải thần phục Mông-Cổ.

Hốt tất Liệt (Koubilai), phỏng theo tranh vẽ ở quyển L'empire Mongol et Tamerlan của Michael Prawdin.

Vua Thái-Tôn không chịu, lại bắt giam sứ Mông-Cổ và sai Trần-quốc-Tuấn đem binh lên giữ phía bắc, bấy giờ là năm Đinh-tỵ (1257).

Ngột-lương Hợp-Thai từ Vân-nam kéo binh sang xâm-lược nước Nam, theo sông Thao-giang tỉnh Hưng-hóa xuống đánh Thăng-long.

Trần-quốc-Tuấn quân ít, đánh không nổi, phải lui về Sơn-tây. Quân Mông-Cổ kéo tràn xuống sông Thao. Thái-Tôn phải ngự giá thân chinh, nhưng đánh không lại, phải chạy về sông Hồng-hà. Quân Mông-cổ đuổi quân nhà Trần đến Đông-bộ-đầu (phía đông sông Nhị-hà, ở hạt huyện Thượng-phúc). Thái-Tôn phải bỏ kinh thành chạy về đóng ở Thiên-mạc (huyện Đông-yên, tỉnh Hưng-yên).

Ngột-lương Hợp-Thai vào kinh thành, thấy sứ Mông-cổ phải giam trong ngục, khi cởi trói thì một người chết, mới nổi giận mà cho quân cướp phá và giết hết nam phụ lão ấu thành Thăng-long.

Quân Mông-cổ đóng được ít lâu vì thủy thổ không hợp, mới định rút lui, vua Trần-thái-Tôn thừa cơ hội, đem binh đánh một trận ở Đông-bộ-đầu. Quân Mông-cổ thua, chạy về đến trại Qui-hóa, bị chủ trại chiêu tập thổ dân đón đánh, quân Mông-cổ thua to phải rút về Vân-nam.

Nhưng vua Thái-tôn, thấy Hốt-tất-Liệt dứt nhà Tống, có ý dòm nom nước Nam, phải sai Lê-phụ-Trần sang sứ cầu hòa, xin ba năm một lần sang cống, nhưng việc ngoại giao ấy cũng không yên được. Sau quân Mông-cổ lại sang đánh hai lần nữa cho mãi đến năm 1288, tháng ba, Trần-quốc-Tuấn đại phá quân Mông-cổ ở sông Bạch-Đằng mới đánh đuổi hết và đem lại nền bình trị cho nước Nam.

TIỀN-ĐÀM

Những tài liệu dùng viết bài này:

Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục (nhà Trần).

Việt-nam sử lược Trần-trọng-Kim (quyển thượng).

Đại-Việt sử ký toàn thư.

Nguyên-sử. Tống-sử.

Histoire de France par A. Malet.

Histoire de France par Capitaine Paquier.

L'Empire Mongol et Tamerlan của Prawdin (Michael) A 97/26.

Les Mongols et la Papauté của Pelliot (Paul), trường Viễn-đông bác-cổ 8/6135 (12).

Hai quyển dưới là của ông Nguyễn Văn-Tố Tham-tá trường Viễn-đông bác-cổ và của ông Trần-văn-Kha tham-tá trung-ương thư-viện mách giúp, xin trân trọng cảm tạ hai ngài.

Từ kỳ sau, Tri-Tân sẽ bán lẻ 0$_{\text{p}}$15 một số

Vì giá giấy, mực, và nhân công càng ngày càng cao, nên bất đắc dĩ từ kỳ sau, chúng tôi phải định giá bán lẻ mỗi số lên 0 p. 15, chứ không bán 0 p. 12 như chúng tôi đã hi-sinh trong 4 tháng qua.

Đối với các bạn mua báo giải hạn chúng tôi vẫn tính giá cũ nghĩa là vẫn 1 năm: 5 p. 50 — 6 tháng 2 p. 80 — 3 tháng 1 p 50 nhưng chỉ từ nay đến cuối tháng Octobre thôi.

Danh-nhân đời Trần

Trần-Quang-Khải

CHIÊU-minh đại-vương húy là Quang-Khải, là con thứ hai vua Thái-tôn.

Sau khi Kinh-đô thất-thủ, Hưng-đạo vương rước Thánh-tôn Thượng-hoàng cùng Nhân-tôn vào Thanh-hóa, rồi tiến quân đánh Thoát-Hoan để khôi phục Kinh-thành. Thượng-tướng Trần-quang-Khải từ Nghệ-an ra, xin đi đánh Thoát-Hoan.

Khi bấy giờ đại binh của Thoát-Hoan đóng tại Thăng-long, còn chiến thuyền đóng ở bến Chương-dương (thuộc phủ Thường-tín bây giờ).

Trần-quang-Khải cùng Phạm-ngũ-Lão và Trần-quốc-Toản đem quân từ Thanh-hóa đi thuyền theo đường bể ra bến Chương-dương, sẵn vào đánh thuyền quân Nguyên. Quan quân khí thế đang hăng; quân Nguyên địch không nổi, phải bỏ chạy. Quan quân lên bộ, đuổi đánh đến chân thành Thăng-long. Đại-quân Thoát-Hoan ra cự địch, bị phục binh của Trần-quang-Khải đánh úp lại. Quân Nguyên phải bỏ thành Thăng-long, chạy qua sông Hồng-hà, sang giữ mặt Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Trần-quang-Khải đem quân vào thành, mở tiệc khao thưởng quân sĩ.

Giữa tiệc rượu, Quang-Khải tỏ lòng vui-vẻ, ngâm bài thơ rằng:

Đoạt sóc Chương-dương độ,
Cầm Hồ Hàm-tử quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang sơn.

Dịch:

Chương-dương cướp giáo giặc,
Hàm-tử bắt quân thù.
Thái-bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu.

Rồi dâng biểu về Thanh-hóa báo tin thắng trận.

Con là Văn-túc-vương Đạo-Tái là người văn-học có danh ở đương thời.

Cháu là Uy-túc-vương Văn-Bích làm quan đến Thái bảo.

Chắt là Chương túc Quốc thượng hầu Trần nguyên-Đán làm quan đến Tư đồ.

Một nhà đức trạch thâm hậu, hiển danh trong một thời.

Quang Khải mất năm Giáp ngọ (1294). Ông có tập thơ, nhan là « Lạc đạo thi tập ».

Trần-Nhật-Duật

Chiêu-văn đại-vương húy Nhật-Duật, là con thứ sáu vua Thái-Tôn. Người có độ lượng, khi vui, lúc giận, không lộ ra sắc mặt.

Tướng Nguyên là Toa-Đô tự Chiêm thành trở ra, qua Thuận-hóa, Nghệ-an. Thanh-hóa, đường xá gập ghềnh, quân-sĩ vất-vả, lại vượt bể ra Bắc. Nhân-Tôn muốn đón đường đánh phá, bèn sai Trần-nhật-Duật làm tướng, đem 5 vạn quân ra đón đánh Toa Đô ở mặt Hải-dương.

Tháng tư năm Ất-dậu (1285) Trần Nhật-Duật ra đến bến Hàm-tử (Khoái Châu, Hưng-yên) gặp chiến thuyền của Toa-Đô, bèn chia quân ra đánh.

Trước quân Tống chạy sang ta, đều đến ẩn mình dưới chướng Nhật-Duật. Trong bọn có tướng Triệu-Trung, mặc áo Tàu, đeo cung, xin đi tùng chinh. Quân Nguyên thấy quân Triệu-Trung tưởng là người nhà Tống sang giúp An-nam, nên đều sợ hãi, bỏ chạy như vịt. Quan quân thừa thế, đuổi giết hại rất nhiều. Toa Đô phải lùi ra giữ ở cửa Thiên-trường.

Tin thắng trận ấy đưa về Thanh Hóa, vua Trần cả mừng. Nhật-Duật thọ 77 tuổi.

Trần-Khánh-Dư

Niên hiệu Trùng-hưng (1285-1293). Hưng-đạo-Vương đem việc phòng giữ mặt thủy phó thác cho Phó tướng Vân-đồn là Trần-khánh-Dư.

Quân Nguyên đóng ở Vạn-kiếp lâu ngày, lương thực sắp cạn. Thoát-Hoan sai Ô-mã-Nhi dẫn thủy quân ra cửa bể Đại-bàng (Hải-dương) đón thuyền lương của Trương-văn-Hổ. Ô-mã-Nhi đến Vân-đồn (Quảng-yên) gặp quân Khánh-Dư ra chặn đường, hai bên đánh nhau kịch-liệt. Quân Khánh-Dư thua chạy, quân Nguyên thẳng đường ra bể.

Khánh-Dư thất trận, đang nghĩ kế phục-thù, bỗng thấy Thượng-hoàng sai sứ ra bắt về trị tội.

Khánh-Dư xin khất vài ngày để lập công chuộc tội.

Mấy hôm sau, Ô-mã-Nhi gặp thuyền lương của Trương-văn-Hổ, lại đem quân trở vào, đi trước dẹp đường; còn Trương-văn-Hổ đem thuyền lương theo sau.

Khánh-Dư hội các chiến thuyền, thu nhặt tàn binh, phục sẵn, đợi thuyền lương của Trương-văn-Hổ đến thì đổ ra đánh.

Quả nhiên, Trương-văn-Hổ tải các thuyền lương vào cửa bể Lưu-thủy-dương (châu Hoành-bồ).

Khánh-Dư đổ quân ra đánh, bắt được tư lương, khí-giới và tù binh rất nhiều. Trương-văn-Hổ trốn về Quỳnh-Châu.

Khánh-Dư thắng trận, đưa thư về báo tiệp. Thượng hoàng mừng rỡ xá tội trước và bảo Hưng đạo Vương: « Nay quân ta đã cướp được hết lương thảo, khí giới của giặc Nguyên, thế chúng tất không thể tràng cửu được. Vậy ta nên tha những quân bị bắt cho về báo tin với Thoát-Hoan, cho quân Nguyên ngã lòng, bấy giờ phá mới dễ. »

Tù binh Nguyên được tha về, quân sĩ của Thoát Hoan náo động: chỉ tưởng đường lui, không còn đấu chí nữa.

Trần khánh Dư vì có công trong trận Vân đồn, nên được phong là Nhân huệ Vương.

Hiện nay, có miếu thờ trên bến Linh giang (huyện Chí-linh). Trước miếu có hòn đá dài 2 thước, tục truyền là hòn đá nổi, không ai dám đến gần.

NHẬT-NHAM

DÂNG HƯƠNG ĐỀN KIẾP

SÁNG 28 Septembre 1941. Chúng tôi mang « sứ-mệnh» của TRI-TÂN, đi chiêm-bái đền Kiếp với tấm lòng thành kính ngưỡng mộ.

Qua chiếc cổng lớn có năm chữ *« Trần Hưng - đạo - vương từ »*, chúng tôi có cảm tưởng như lạc vào một thế-giới trang nghiêm hùng vĩ.

Một cây đa cổ kính, rễ lẫn gốc xù - xì, cành lá bà- xòa bát ngát, đứng rủ bóng âm u xuống những phiến đá chữ nhật lát trên sân, dường tự hào rằng chính cây cổ này đã che phủ bao người trong buổi nắng thu gay gắt.

Chính ở Vạn-kiếp này, quân ta, sau khi thua Nguyên trận Chi-lăng, đã phải rút lui về đây (Thiệu-bảo thứ sáu, 1284).

Chính ở Vạn - kiếp này, đức Hưng-đạo đã hội 20 vạn quân các đạo dưới bóng cờ tiết-chế của ngài (cùng năm ấy).

Cũng chính ở Vạn-kiếp này, sau khi Toa-Đô rụng đầu, Ô-mã-Nhi lẩn trốn,phục binh nhà Trần, đánh theo chiến-lược đức Hưng-đạo, đã làm chết đuối vô số quân Nguyên và bắn tên thuốc độc giết chết Lý-Hằng, tướng Mông-cổ (tháng năm, năm Thiệu-bảo thứ bảy, 1285).

Lại chính ở Vạn - kiếp này, Nguyên thái-tử A - Thai đã hội binh 30 vạn mà đánh quân ta đương đóng ở đây (ngày 30, tháng chạp,năm Trùng-hưng thứ ba, 1287).

Vạn-kiếp ! Ngươi thật đã có cái lịch-sử cùng khóc, cùng cười với đức Trần Hưng-Đạo.

Vạn-kiếp ! Ngươi thật là « đứa con » chia vui buồn, xẻ vinh nhục với Việt-Nam !

●

Đền Kiếp-bạc là đền chung của hai xã Vạn-yên và Dược-sơn thuộc huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương.

Cứ như mấy ông huynh-thứ sở tại nói với chúng tôi, thì đền cũ — tục gọi « Từ cũ » — trước ở địa phận làng Vạn-yên, sau mới dời ra chỗ bây giờ.

Đền cũ có từ bao giờ, người ta không rõ. Bài bia đề ngày tháng chạp năm Tự-đức ba mươi hai (1879), trên tỏ, dưới mờ, chỉ cho ta biết đại khái hai xã Vạn-yên và Dược-sơn, kẻ ít, người nhiều, đã gom góp vào việc công đức làm đền mới.

Tấm bia đề niên hiệu Thành-thái năm thứ bảy (1895), tuy mới hơn bia trên, nhưng cũng bị mưa gió xóa mờ nhiều chỗ, kể cho người ta biết qua về công việc trùng tu đền.

Đền trông ra Lục-đầu-giang. Hữu có núi đất kêu là Bắc-đầu. Tả có núi Nam-tào cũng là một thổ sơn, tức Dược-sơn.

Tương truyền Dược-sơn này là nơi đời Trần trồng thuốc dấu để chữa thương-tích cho quân lính.

Người ta lại còn truyền-thuyết : sau nơi đền cũ ở địa phận làng Vạn-yên, có một bãi rộng độ 4, 5 mẫu ta, xung-quanh có núi đất bao-bọc : đó là nơi đức Trần Hưng-đạo thao-luyện binh lính.

Ngoài đền cũ, lại có một khu đất rộng chừng 5 mẫu ta, tục gọi là *« Xưởng thuyền »* : đó là nơi chế-tạo hoặc sửa-chữa chiến-thuyền trong khi kháng-chiến giặc Mông-cổ.

◆

Ba lần cửa võng ở ba đền (trong, giữa và ngoài) bằng một lối điêu-khắc hoàn-toàn đông-phương rất tinh-tế và khéo léo, nhất là nước sơn son ở cái mặt nguyệt đứng giữa lưỡng long, được giám sắc vì khói trầm, hương, đánh dấu những tấc lòng thành-kính của khách hành-hương, đang óng - ánh bao tia chói-lòa ghi nét hào-quang vinh-diệu.

Trong ba tòa đền, thơ và câu đối rất nhiều, mỗi nét chữ đều tỏ ý kỷ-niệm cái chiến-công oanh-liệt của Trần đại-vương.

Hầu hết câu đối đều viết bằng hán văn, duy có câu sau này là bằng tiếng việt, nên chúng tôi xin chép ra đây :

Uy tan giặc Bắc, trận sát Thát quân reo. Một tay chống lại sơn hà : quét bụi Tống, rửa thù Nguyên, nòi-giống vẻ-vang hồn lịch-sử.

Ơn khắp miền Đông, đền Đại-vương quốc tế. Mảnh đá in còn sự-nghiệp : tiếng sóng Đằng, vầng mây Kiếp, khói hương phảng-phất bóng anh-hùng.

●

Khi đến chiêm-bái đền Kiếp, chúng tôi vô cùng cảm-động vì hai điều mắt thấy :

Một ông người tàu, ngụ ở Hải-dương, tên là Mã-tàn-Thắng, ngưỡng-mộ uy-thanh đức Trần, có cung tiến một bức hoành đề bốn chữ « *Đức uy viễn sướng* »,

từ năm Kỷ-mão đời Tự-đức. Đến năm Đinh-mão niên-hiệu Bảo-đại, các con ông Mã lại phóng to bốn chữ ấy, « trùng tu » một bức hoành khác lớn hơn mà cúng vào đền.

Trước ban thờ đền ngoài, có đặt hai pho tượng đá người Chiêm-thành. Đó tuy là một tác-phẩm của ngoài Bắc ta mới làm độ ngoài 40 năm nay (theo lời cụ từ đền Kiếp), nhưng nó tỏ ra là một vật kỷ-niệm có tính-cách lịch-sử : Đời Thịnh Trần, dưới oai võ của Hưng-đạo đại vương, Chiêm-thành đã hết lòng thần-phục !

●

Sau khi tạm biệt một ngôi đền hùng-vĩ, kín-đáo lọt ở giữa một rặng núi đất hình cái ngai, trông ra đằng trước một khúc sông rộng, chúng tôi ra về với một bâng-khuâng nhớ cảnh. Tiếng sóng Lục-đầu ỳ-ọp vỗ bên đường đi nhắc người nhớ lại những tiếng reo-hò của bao vạn tì-hưu dưới bóng cờ chiến-thắng của Bình Bắc nguyên-súy, Hưng-đạo đại-vương Trần-quốc-Tuấn.

HOA-BANG và CÁCH-CHI

Vì kỳ này nhiều bài quá, nên bài du-ký « Tức-mặc » của Lê-Thanh và Trúc-Khê phải gác lại. Xin các bạn đón coi một số sau.

Qua đền Kiếp-bạc

Vạn-kiếp trầm hương tỏa miếu lầu,
Ôi hồn chiến-sĩ ! nay tìm đâu !
Máu pha nước đỏ loang sông lạnh, (1)
Xương bốc mây đen ngất khí sầu !
Bãi Nguyệt năm sương nghe gió hét.
Chuông chùa dồn sóng réo canh thâu !
Hồn ba quân dậy như nghìn ngựa,
Nhạc trận, gươm thiêng cuốn Lục-đầu !

Bà MỘNG-SƠN

1) Sông Lục-đầu giòng nước một nửa xanh, nửa đỏ.

TẠP TRỞ

Vị tri-kỷ

HỒ-QUÝ-LY cướp ngôi nhà Trần làm vua, một hôm ra cửa bể Độc-bộ (Nam-định) chơi và đi tầm nã các con cháu nhà Trần để giết đi cho hết ; lại còn truyền dân gian ai bắt được con cháu nhà Trần sẽ lậu thưởng và phong quan chức, ai giấu giếm phải tội giết ba họ.

Bấy giờ có cháu vua Trần Anh-tôn tên là Trần-Kiều ẩn tại nhà người quen là Phan-thế-Thúc ở huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Trần-Kiều nghe tin Quý-Ly tầm nã giòng họ mình, lấy làm giận lắm, mới sai gia-nhân đi tìm người bạn thân là Võ-duy-Dương, người làng Nhân-Trạch, đến bàn kế.

Khi Dương đến, Trần-Kiều khóc ầm lên và xin bạn vì mình mà báo thù cho tôn-thất nhà Trần. Dương đáp : « Ngựa gặp Bá-Nhạc mới gầm hét khoe tài, người gặp tri-kỷ mới liều thân báo đáp. Nay công-tử ngỏ nhời, tôi xin hết sức, dù chết cũng cam tâm ». Nói xong từ tạ về nhà.

Một hôm dò biết tin tức Quý-Ly sắp lên núi Thôi-ngôi vãn cảnh chùa, Dương liền dắt ngọn giáo giài, nấp trong bụi rậm trên núi, chờ Quý-Ly vô tình lên núi, Dương nhảy xổ ra, đâm một nhát vào mặt, không ngờ đâm trượt trên mũ, Quý-Ly rật mình, ngã quay xuống, võ-sĩ đổ xô vào bắt được Dương.

Quý-Ly sai căng nọc, tra tấn hỏi ai sui làm như vậy. Dương ung dung đáp : « Tao báo thù cho con cháu nhà Trần, tiếc rằng không đâm trúng được mày, tức quá ! » Quý-Ly hỏi : « Con cháu nhà Trần là ai ? » Dương đáp : « Trăm họ nước Nam, là con cháu nhà Trần cả chứ ai ! » Quý-Ly thét võ-sĩ đánh, máu chảy đầm đìa, lại hỏi : « Đứa nào xui mày ? » Dương chợn mắt đáp : « Giời xui tao giết đứa vô đạo, chớ còn ai sui » Quý-Ly lại sai lấy kìm sắt bẻ hết răng và lại hỏi đứa nào sui ; Dương nhất định không xưng. Quý-Ly sai chặt hết cả chân tay, Dương ngất người đi, tỉnh dậy bảo : « Mày tha tao ra, tao sẽ nói ». Quý-Ly sai tha. Dương ngảnh mặt về làng Tức-mạc (quê hương nhà Trần) lậy nói rằng : « Tôi thề sống không giết được giặc, chết cũng xin làm quỷ dữ mà ăn thịt thằng Quý-Ly ». Nói xong đập đầu vào đá, vỡ óc chết.

Trần-Kiều nghe tin bạn như vậy, lăn khóc thảm thương, rồi trốn sang nước Lão-qua. Giòng giõi nhà Trần mới còn sống sót lại.

HOA-NAM

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng
học trong bộ
HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ
漢文新教科書
soạn giả : LÊ-THƯỚC
Giải nguyên, giáo sư bậc thành-chung
Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p 38
Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi